PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 07/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thừa Thiên Huế

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tiếp theo Công báo số 313 + 314)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Môn	TV	xã Hương Lộc	H. Nam Đông			16° 10' 30"	107° 45' 24"	16° 09' 33"	107° 43' 25"	E-48-96-C
Động Nôm	SV	xã Hương Lộc	H. Nam Đông	16° 11' 01"	107° 47' 06"					E-48-96-D-a
sông Tả Trạch	TV	xã Hương Lộc	H. Nam Đông			16° 08' 03"	107° 45' 10"	16° 23' 26"	107° 34' 28"	E-48-96-C
đường tỉnh 14B	KX	xã Hương Phú	H. Nam Đông			16° 20' 11"	107° 44' 40"	16° 07' 29"	107° 37' 38"	E-48-96-C
thôn Ca Tư	DC	xã Hương Phú	H. Nam Đông	16° 10' 42"	107° 41' 52"					E-48-96-C
khe Đá Nhảy	TV	xã Hương Phú	H. Nam Đông			16° 11' 43"	107° 46' 18"	16° 11' 11"	107° 45' 17"	E-48-96-D-a
thôn Đa Phú	DC	xã Hương Phú	H. Nam Đông	16° 11' 21"	107° 43' 26"					E-48-96-C
Khe Đai	TV	xã Hương Phú	H. Nam Đông			16° 10' 31"	107° 49' 51"	16° 14' 18"	107° 47' 26"	E-48-96-D-a
núi Động Truồi	SV	xã Hương Phú	H. Nam Đông	16° 13' 57"	107° 45' 24"					E-48-96-D-a
thôn Hà An	DC	xã Hương Phú	H. Nam Đông	16° 10' 58"	107° 44' 32"					E-48-96-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo La Hi	SV	xã Hương Phú	H. Nam Đông	16° 13' 30"	107° 42' 55"					E-48-96-C
khe Le No	TV	xã Hương Phú	H. Nam Đông			16° 12' 12"	107° 45' 32"	16° 12' 29"	107° 44' 47"	E-48-96-D-a
khe Mụ Đoan	TV	xã Hương Phú	H. Nam Đông			16° 12' 29"	107° 44' 47"	16° 10' 29"	107° 42' 38"	E-48-96-C
núi Ni Hi	SV	xã Hương Phú	H. Nam Đông	16° 14' 22"	107° 40' 52"					E-48-96-C
Động Nôm	SV	xã Hương Phú	H. Nam Đông	16° 11' 01"	107° 47' 06"					E-48-96-D-a
khe Ông Đại	TV	xã Hương Phú	H. Nam Đông			16° 11' 05"	107° 42' 26"	16° 10' 54"	107° 42' 08"	E-48-96-C
thôn Phú Hòa	DC	xã Hương Phú	H. Nam Đông	16° 11' 30"	107° 42' 51"					E-48-96-C
sông Phú Mậu	TV	xã Hương Phú	H. Nam Đông			16° 13' 34"	107° 42' 06"	16° 12' 14"	107° 40' 42"	E-48-96-C
thôn Phú Mậu	DC	xã Hương Phú	H. Nam Đông	16° 12' 34"	107° 41' 25"					E-48-96-C
thôn Phú Nam	DC	xã Hương Phú	H. Nam Đông	16° 11' 48"	107° 43' 22"					E-48-96-C
Động Rơi	SV	xã Hương Phú	H. Nam Đông	16° 10' 47"	107° 46' 13"					E-48-96-D-a
sông Tả Trạch	TV	xã Hương Phú	H. Nam Đông			16° 08' 03"	107° 45' 10"	16° 23' 26"	107° 34' 28"	E-48-96-C
khe Thác Dài	TV	xã Hương Phú	H. Nam Đông			16° 14' 06"	107° 42' 01"	16° 13' 50"	107° 40' 10"	E-48-96-C
thôn Thanh An	DC	xã Hương Phú	H. Nam Đông	16° 11' 01"	107° 41' 24"					E-48-96-C
khe Vinh An	TV	xã Hương Phú	H. Nam Đông			16° 11' 11"	107° 45' 17"	16° 11' 34"	107° 43' 32"	E-48-96-C
khe Vũng Tròn	TV	xã Hương Phú	H. Nam Đông			16° 12' 53"	107° 43' 41"	16° 11' 08"	107° 43' 11"	E-48-96-C
thôn Xuân Phú	DC	xã Hương Phú	H. Nam Đông	16° 12' 13"	107° 43' 23"					E-48-96-C
khe A Ca	TV	xã Hương Sơn	H. Nam Đông			16° 11' 10"	107° 38' 51"	16° 12' 05"	107° 38' 53"	E-48-96-C
thôn A Đen	DC	xã Hương Sơn	H. Nam Đông	16° 10' 08"	107° 40' 56"					E-48-96-C
thôn A Lốt	DC	xã Hương Sơn	H. Nam Đông	16° 10' 18"	107° 40' 39"					E-48-96-C
thôn A Mứt	DC	xã Hương Sơn	H. Nam Đông	16° 10' 22"	107° 40' 48"					E-48-96-C
núi A2	SV	xã Hương Sơn	H. Nam Đông	16° 12' 14"	107° 39' 25"					E-48-96-C
khe Ba Ba	TV	xã Hương Sơn	H. Nam Đông			16° 10' 31"	107° 39' 35"	16° 10' 47"	107° 40' 49"	E-48-96-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ba Dược	DC	xã Hương Sơn	H. Nam Đông	16° 10' 12"	107° 40' 05"					E-48-96-C
thôn Ca Chê	DC	xã Hương Sơn	H. Nam Đông	16° 10' 18"	107° 40' 51"					E-48-96-C
thôn Ca Dăng	DC	xã Hương Sơn	H. Nam Đông	16° 11' 10"	107° 40' 41"					E-48-96-C
núi Chà Pò	SV	xã Hương Sơn	H. Nam Đông	16° 09' 37"	107° 40' 04"					E-48-96-C
Khe Dong	TV	xã Hương Sơn	H. Nam Đông			16° 09' 50"	107° 38' 27"	16° 12' 03"	107° 37' 48"	E-48-96-C
thôn La Hia	DC	xã Hương Sơn	H. Nam Đông	16° 10' 34"	107° 40' 50"					E-48-96-C
khe La Ma	TV	xã Hương Sơn	H. Nam Đông			16° 06' 50"	107° 35' 17"	16° 13' 05"	107° 39' 56"	E-48-96-C
núi Ma Xoa	SV	xã Hương Sơn	H. Nam Đông	16° 10' 55"	107° 39' 14"					E-48-96-C
khe T7	TV	xã Hương Sơn	H. Nam Đông			16° 11' 52"	107° 39' 33"	16° 12' 51"	107° 40' 28"	E-48-96-C
sông Tả Trạch	TV	xã Hương Sơn	H. Nam Đông			16° 08' 03"	107° 45' 10"	16° 23' 26"	107° 34' 28"	E-48-96-C
Khe Vịt	TV	xã Hương Sơn	H. Nam Đông			16° 11' 47"	107° 38' 32"	16° 12' 05"	107° 38' 27"	E-48-96-C
núi A Xiêm	SV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông	16° 07' 10"	107° 47' 00"					E-48-96-D-c
thôn Cha Măng	DC	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông	16° 09' 48"	107° 43' 14"					E-48-96-C
khe Cha Moon	TV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông			16° 05' 36"	107° 48' 02"	16° 08' 03"	107° 45' 10"	E-48-96-D-a; E-48-96-D-c
Sông Côn	TV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông			16° 03' 30"	107° 48' 32"	16° 04' 09"	107° 47' 12"	E-48-96-D-c
thác Đá Dần	TV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông	16° 07' 47"	107° 45' 04"					E-48-96-D-a
Thôn Dỗi	DC	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông	16° 08' 50"	107° 43' 46"					E-48-96-C
núi Đồi Lá Non	SV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông	16° 06' 11"	107° 46' 12"					E-48-96-D-c
núi Động Nóc	SV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông	16° 05' 44"	107° 49' 49"					E-48-96-D-c
thôn La Hố	DC	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông	16° 09' 12"	107° 43' 20"					E-48-96-C
sông Ma Ran	TV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông			16° 08' 29"	107° 51' 21"	16° 08' 03"	107° 45' 10"	E-48-96-D-a
núi Mang	SV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông	16° 03' 23"	107° 48' 53"					E-48-96-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Mụ Nằm	DC	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông	16° 09' 16"	107° 43' 19"					E-48-96-C
Khe Ổc	TV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông			16° 07' 53"	107° 50' 14"	16° 08' 31"	107° 49' 30"	E-48-96-D-a
núi Prí On	SV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông	16° 07' 42"	107° 46' 30"					E-48-96-D-a
Động Rong	SV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông	16° 07' 56"	107° 51' 04"					E-48-96-D-a
Núi Rong	SV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông	16° 07' 44"	107° 51' 15"					E-48-96-D-a
Núi Sạp	SV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông	16° 07' 49"	107° 43' 03"					E-48-96-C
sông Tả Trạch	TV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông			16° 08' 03"	107° 45' 10"	16° 23' 26"	107° 34' 28"	E-48-96-C
khe Tổ Chin	TV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông			16° 06' 34"	107° 46' 13"	16° 07' 50"	107° 45' 50"	E-48-96-D-a, E-48-96-D-c
khe dâu Tom Ma Loong	TV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông			16° 06' 51"	107° 47' 53"	16° 08' 01"	107° 48' 02"	E-48-96-D-a; E-48-96-D-c
Khe Trương	TV	xã Thượng Lộ	H. Nam Đông			16° 05' 39"	107° 49' 06"	16° 08' 05"	107° 48' 26"	E-48-96-D-a, E-48-96-D-c
đường tỉnh 14B	KX	xã Thượng Long	H. Nam Đông			16° 20' 11"	107° 44' 40"	16° 07' 29"	107° 37' 38"	E-48-96-A-d
thôn A Chiếu	DC	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 06' 46"	107° 39' 00"					E-48-96-C
khe A Dài	TV	xã Thượng Long	H. Nam Đông			16° 06' 59"	107° 38' 07"	16° 06' 56"	107° 39' 17"	E-48-96-C
thôn A Dài	DC	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 07' 11"	107° 38' 45"					E-48-96-C
thôn A Gôn	DC	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 06' 25"	107° 38' 50"					E-48-96-C
khe A Lăn	TV	xã Thượng Long	H. Nam Đông			16° 02' 03"	107° 39' 26"	16° 03' 31"	107° 39' 10"	E-48-96-C
khe A Ro	TV	xã Thượng Long	H. Nam Đông			16° 06' 11"	107° 37' 35"	16° 06' 55"	107° 39' 18"	E-48-96-C
khe A Roòng	TV	xã Thượng Long	H. Nam Đông			16° 03' 34"	107° 34' 22"	16° 05' 36"	107° 36' 49"	E-48-96-C
thôn A Xăng	DC	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 06' 11"	107° 38' 30"					E-48-96-C
núi Alin	SV	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 01' 14"	107° 39' 17"					E-48-96-C
thôn Áp Rung	DC	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 06' 37"	107° 39' 39"					E-48-96-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Biêng	TV	xã Thượng Long	H. Nam Đông			16° 08' 20"	107° 38' 46"	16° 07' 20"	107° 38' 42"	E-48-96-C
núi Ca Đẩu	SV	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 04' 12"	107° 39' 13"					E-48-96-C
thôn Ca Đong	DC	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 06' 14"	107° 38' 17"					E-48-96-C
thôn Cha Ke	DC	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 06' 46"	107° 38' 33"					E-48-96-C
Núi Cùi	SV	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 04' 11"	107° 37' 31"					E-48-96-C
núi Đrai	SV	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 03' 20"	107° 34' 19"					E-48-96-C
khe Hai Nhất	TV	xã Thượng Long	H. Nam Đông			16° 06' 55"	107° 39' 18"	16° 07' 30"	107° 40' 54"	E-48-96-C
khe La Vân	TV	xã Thượng Long	H. Nam Đông			16° 02' 29"	107° 37' 46"	16° 04' 05"	107° 40' 28"	E-48-96-C
khe Ma Klăm	TV	xã Thượng Long	H. Nam Đông			16° 05' 37"	107° 36' 12"	16° 06' 11"	107° 37' 35"	E-48-96-C
núi Pa Ran	SV	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 01' 54"	107° 37' 40"					E-48-96-C
núi Quỳnh Tang	SV	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 03' 54"	107° 37' 05"					E-48-96-C
khe Ra Nghít	TV	xã Thượng Long	H. Nam Đông			16° 04' 27"	107° 37' 31"	16° 05' 36"	107° 36' 50"	E-48-96-C
thôn Ta Vác	DC	xã Thượng Long	H. Nam Đông	16° 07' 21"	107° 38' 33"					E-48-96-C
đường tỉnh 14B	KX	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông			16° 20' 11"	107° 44' 40"	16° 07' 29"	107° 37' 38"	E-48-96-C
khe A Lăn	TV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông			16° 02' 03"	107° 39' 26"	16° 03' 31"	107° 39' 10"	E-48-96-C
khe A Tin	TV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông			16° 02' 08"	107° 40' 48"	16° 02' 31"	107° 41' 11"	E-48-96-C
thôn A Tin	DC	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 07' 36"	107° 40' 58"					E-48-96-C
thôn A Xách	DC	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 07' 47"	107° 41' 25"					E-48-96-C
núi Alin	SV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 01' 14"	107° 39' 17"					E-48-96-C
khe Ca Đẩu	TV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông			16° 04' 40"	107° 39' 31"	16° 05' 22"	107° 40' 56"	E-48-96-C
núi Ca Đẩu	SV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 04' 12"	107° 39' 13"					E-48-96-C
khe Cha Lai	TV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông			16° 06' 33"	107° 42' 53"	16° 06' 33"	107° 41' 37"	E-48-96-C
núi Chà Lu	SV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 00' 23"	107° 42' 19"					E-48-96-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Cha Măng	TV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông			16° 02' 54"	107° 44' 52"	16° 04' 41"	107° 43' 12"	E-48-96-C
khe Cha Moon	TV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông			16° 00' 06"	107° 41' 43"	16° 05' 01"	107° 41' 12"	E-48-96-C
núi Cha Vung	SV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 05' 49"	107° 40' 25"					E-48-96-C
núi Dìm Tam	SV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 05' 21"	107° 43' 16"					E-48-96-C
sông Hai Nhất	TV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông			16° 06' 55"	107° 39' 18"	16° 07' 30"	107° 40' 54"	E-48-96-C
thôn Hợp Hòa	DC	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 08' 01"	107° 41' 18"					E-48-96-C
núi Ky Ninh	SV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 04' 10"	107° 40' 48"					E-48-96-C
thôn La Vân	DC	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 08' 14"	107° 41' 07"					E-48-96-C
Thôn Lấp	DC	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 07' 11"	107° 41' 04"					E-48-96-C
Núi Lập	SV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 02' 57"	107° 42' 49"					E-48-96-C
khe Ma Rai	TV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông			16° 00' 30"	107° 42' 44"	16° 05' 01"	107° 41' 12"	E-48-96-C
Núi Ông	SV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 03' 09"	107° 39' 43"					E-48-96-C
Núi Sạp	SV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 07' 49"	107° 43' 03"					E-48-96-C
khe Ta Lu	TV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông			16° 02' 30"	107° 40' 25"	16° 02' 48"	107° 40' 58"	E-48-96-C
núi Ta Lu	SV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 02' 47"	107° 41' 31"					E-48-96-C
thôn Ta Lu	DC	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 07' 42"	107° 41' 15"					E-48-96-C
thôn Ta Rinh	DC	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 07' 12"	107° 40' 45"					E-48-96-C
sông Tả Trạch	TV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông			16° 08' 03"	107° 45' 10"	16° 23' 26"	107° 34' 28"	E-48-96-C
Động Tháp	SV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 06' 42"	107° 43' 03"					E-48-96-C
Núi Thơm	SV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông	16° 07' 02"	107° 42' 13"					E-48-96-C
khe Thượng Nhật	TV	xã Thượng Nhật	H. Nam Đông			16° 05' 01"	107° 41' 12"	16° 07' 29"	107° 40' 55"	E-48-96-C
thôn 1	DC	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 07' 17"	107° 38' 07"					E-48-96-C
thôn 2	DC	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 06' 54"	107° 37' 46"					E-48-96-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 3	DC	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 06' 48"	107° 37' 42"					E-48-96-C
thôn 4	DC	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 06' 59"	107° 37' 48"					E-48-96-C
thôn 5	DC	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 07' 14"	107° 37' 20"					E-48-96-C
thôn 6	DC	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 07' 48"	107° 37' 29"					E-48-96-C
thôn 7	DC	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 07' 49"	107° 37' 38"					E-48-96-C
đường tỉnh 14B	KX	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông			16° 20' 11"	107° 44' 40"	16° 07' 29"	107° 37' 38"	E-48-96-C
khe A Dài	TV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông			16° 06' 59"	107° 38' 07"	16° 06' 56"	107° 39' 17"	E-48-96-C
khe A Răng	TV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông			16° 07' 12"	107° 36' 29"	16° 07' 07"	107° 37' 56"	E-48-96-C
khe A Ro	TV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông			16° 06' 11"	107° 37' 35"	16° 06' 55"	107° 39' 18"	E-48-96-C
khe A Roòng	TV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông			16° 03' 34"	107° 34' 22"	16° 05' 36"	107° 36' 49"	E-48-96-C
núi A Tép	SV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 01' 31"	107° 31' 48"					E-48-96-C
núi A Vi	SV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 06' 17"	107° 33' 02"					E-48-96-C
Khe Bó	TV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông			16° 08' 30"	107° 37' 03"	16° 06' 59"	107° 38' 07"	E-48-96-C
khe Ca Đe	TV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông			16° 06' 31"	107° 36' 26"	16° 06' 59"	107° 38' 07"	E-48-96-C
núi Ca Năng	SV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 05' 47"	107° 31' 08"					E-48-96-C
khe Ca Xat	TV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông			16° 08' 02"	107° 36' 38"	16° 07' 31"	107° 37' 36"	E-48-96-C
núi Chà Đu	SV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 07' 00"	107° 33' 59"					E-48-96-C
núi Cha Tang	SV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 03' 35"	107° 32' 38"					E-48-96-C
Khe Đang	TV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông			16° 04' 01"	107° 33' 47"	16° 04' 46"	107° 30' 45"	E-48-96-C
Núi Dếp	SV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 06' 44"	107° 35' 17"					E-48-96-C
Núi Do	SV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 10' 31"	107° 34' 25"					E-48-96-C
núi Đrui	SV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 03' 20"	107° 34' 19"					E-48-96-C
sông Hữu Trạch	TV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông			16° 01' 15"	107° 30' 57"	16° 23' 25"	107° 34' 27"	E-48-96-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe La Ma	TV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông			16° 06' 50"	107° 35' 17"	16° 13' 05"	107° 39' 56"	E-48-96-C
khe Ma Klăm	TV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông			16° 05' 37"	107° 36' 12"	16° 06' 11"	107° 37' 35"	E-48-96-C
khe Mụ Nú	TV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông			16° 05' 03"	107° 33' 35"	16° 10' 24"	107° 31' 05"	E-48-96-C
Núi Ruy	SV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 05' 10"	107° 32' 50"					E-48-96-C
núi Ta Lu	SV	xã Thượng Quảng	H. Nam Đông	16° 08' 23"	107° 35' 48"					E-48-96-C
quốc lộ 1A	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-83-D-c, E-48-83-D-d
đường tỉnh 6	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			16° 39' 43"	107° 22' 52"	16° 34' 59"	107° 21' 47"	E-48-83-D-c
đường tỉnh 9	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			16° 36' 44"	107° 22' 18"	16° 31' 10"	107° 16' 22"	E-48-83-D-d, E-48-83-D-c
đường tỉnh 17	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			16° 35' 11"	107° 21' 24"	16° 31' 30"	107° 18' 49"	E-48-83-D-c
núi Động Lâm	SV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	16° 33' 21"	107° 21' 21"					E-48-83-D-c
thôn Khánh Mỹ	DC	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	16° 34' 19"	107° 22' 15"					E-48-83-D-c
sông Ô Lâu	TV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			16° 27' 16"	107° 10' 32"	16° 39' 22"	107° 25' 47"	E-48-83-D-c
Nhà máy Phân lân Hữu cơ Sinh học Sông Hương	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	16° 34' 12"	107° 22' 41"					E-48-83-D-d
cầu Phò Trạch	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	16° 35' 12"	107° 21' 18"					E-48-83-D-c
ga Phò Trạch	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	16° 35' 07"	107° 21' 39"					E-48-83-D-c
thôn Tân Lập	DC	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	16° 34' 00"	107° 23' 01"					E-48-83-D-d
thôn Trạch Tả	DC	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	16° 35' 04"	107° 21' 31"					E-48-83-D-c
thôn Trạch Thượng Dưới	DC	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	16° 35' 17"	107° 21' 44"					E-48-83-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trạch Thượng Trên	DC	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	16° 34' 46"	107° 21' 59"					E-48-83-D-c
thôn Vĩnh Nguyên	DC	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	16° 34' 38"	107° 21' 22"					E-48-83-D-c
quốc lộ 49B	KX	xã Điền Hải	H. Phong Điền			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-83-D-b
bến đò Điền Hải	KX	xã Điền Hải	H. Phong Điền	16° 38' 28"	107° 27' 48"					E-48-83-D-b
thôn Minh Hương	DC	xã Điền Hải	H. Phong Điền	16° 38' 25"	107° 29' 31"					E-48-83-D-b
thôn Ngư Nghiệp	DC	xã Điền Hải	H. Phong Điền	16° 39' 13"	107° 28' 09"					E-48-83-D-b
phá Tam Giang	TV	xã Điền Hải	H. Phong Điền	16° 36' 49"	107° 30' 50"					E-48-83-D-b
thôn Thế Chí Đông 1	DC	xã Điền Hải	H. Phong Điền	16° 39' 38"	107° 27' 29"					E-48-83-D-b
thôn Thế Chí Đông 2	DC	xã Điền Hải	H. Phong Điền	16° 39' 35"	107° 27' 59"					E-48-83-D-b
thôn Thế Chí Đông 3	DC	xã Điền Hải	H. Phong Điền	16° 39' 12"	107° 28' 29"					E-48-83-D-b
thôn Thế Chí Đông 4	DC	xã Điền Hải	H. Phong Điền	16° 38' 59"	107° 28' 38"					E-48-83-D-b
thôn Thế Chí Đông 5	DC	xã Điền Hải	H. Phong Điền	16° 39' 01"	107° 28' 40"					E-48-83-D-b
thôn Thế Chí Đông 6	DC	xã Điền Hải	H. Phong Điền	16° 38' 36"	107° 29' 30"					E-48-83-D-b
thôn 1	DC	xã Điền Hòa	H. Phong Điền	16° 40' 39"	107° 25' 39"					E-48-83-D-b
thôn 2	DC	xã Điền Hòa	H. Phong Điền	16° 40' 24"	107° 26' 09"					E-48-83-D-b
thôn 3	DC	xã Điền Hòa	H. Phong Điền	16° 40' 11"	107° 26' 15"					E-48-83-D-b
thôn 4	DC	xã Điền Hòa	H. Phong Điền	16° 40' 11"	107° 26' 28"					E-48-83-D-b
thôn 5	DC	xã Điền Hòa	H. Phong Điền	16° 40' 05"	107° 26' 43"					E-48-83-D-b
thôn 6	DC	xã Điền Hòa	H. Phong Điền	16° 40' 01"	107° 26' 51"					E-48-83-D-b
thôn 7	DC	xã Điền Hòa	H. Phong Điền	16° 39' 51"	107° 27' 02"					E-48-83-D-b
thôn 8	DC	xã Điền Hòa	H. Phong Điền	16° 39' 48"	107° 27' 14"					E-48-83-D-b
thôn 9	DC	xã Điền Hòa	H. Phong Điền	16° 39' 47"	107° 26' 37"					E-48-83-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 49B	KX	xã Điền Hòa	H. Phong Điền			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-83-D-b
hói Cống Cửa	TV	xã Điền Hòa	H. Phong Điền			16° 40' 08"	107° 25' 18"	16° 39' 26"	107° 25' 55"	E-48-83-D-b
Hói Dài	TV	xã Điền Hòa	H. Phong Điền			16° 40' 08"	107° 25' 18"	16° 39' 25"	107° 25' 20"	E-48-83-D-b
sông Ô Lâu	TV	xã Điền Hòa	H. Phong Điền			16° 27' 16"	107° 10' 32"	16° 39' 22"	107° 25' 47"	E-48-83-D-b
phá Tam Giang	TV	xã Điền Hòa	H. Phong Điền	16° 36' 49"	107° 30' 50"					E-48-83-D-b
thôn Thế Mỹ A	DC	xã Điền Hòa	H. Phong Điền	16° 41' 26"	107° 27' 02"					E-48-83-D-b
thôn Thế Mỹ B	DC	xã Điền Hòa	H. Phong Điền	16° 41' 06"	107° 27' 37"					E-48-83-D-b
đường tỉnh 68	KX	xã Điền Hương	H. Phong Điền			16° 42' 39"	107° 21' 14"	16° 42' 26"	107° 21' 32"	E-48-83-D-a
quốc lộ 49B	KX	xã Điền Hương	H. Phong Điền			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-83-D-a
sông Ô Lâu	TV	xã Điền Hương	H. Phong Điền			16° 27' 16"	107° 10' 32"	16° 39' 22"	107° 25' 47"	E-48-83-D-a
thôn Thanh Hương Đông	DC	xã Điền Hương	H. Phong Điền	16° 42' 18"	107° 22' 12"					E-48-83-D-a
thôn Thanh Hương Lâm	DC	xã Điền Hương	H. Phong Điền	16° 42' 48"	107° 22' 19"					E-48-83-D-a
thôn Thanh Hương Tây	DC	xã Điền Hương	H. Phong Điền	16° 42' 37"	107° 21' 38"					E-48-83-D-a
thôn Trung Đồng Đông	DC	xã Điền Hương	H. Phong Điền	16° 43' 25"	107° 24' 19"					E-48-83-D-b
thôn Trung Đồng Tây	DC	xã Điền Hương	H. Phong Điền	16° 44' 07"	107° 23' 36"					E-48-83-D-b
cầu Vân Trình	KX	xã Điền Hương	H. Phong Điền	16° 41' 59"	107° 21' 23"					E-48-83-D-a
quốc lộ 49B	KX	xã Điền Lộc	H. Phong Điền			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-83-D-b
Hói Dài	TV	xã Điền Lộc	H. Phong Điền			16° 40' 08"	107° 25' 18"	16° 39' 25"	107° 25' 20"	E-48-83-D-b
thôn Giáp Nam	DC	xã Điền Lộc	H. Phong Điền	16° 40' 56"	107° 24' 25"					E-48-83-D-b
thôn Hòa Xuân	DC	xã Điền Lộc	H. Phong Điền	16° 40' 28"	107° 24' 28"					E-48-83-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Mỹ Hòa	DC	xã Điền Lộc	H. Phong Điền	16° 41' 56"	107° 26' 19"					E-48-83-D-b
thôn Nhất Đông	DC	xã Điền Lộc	H. Phong Điền	16° 40' 45"	107° 25' 27"					E-48-83-D-b
thôn Nhất Tây	DC	xã Điền Lộc	H. Phong Điền	16° 41' 09"	107° 24' 40"					E-48-83-D-b
thôn Nhì Đông	DC	xã Điền Lộc	H. Phong Điền	16° 40' 53"	107° 25' 15"					E-48-83-D-b
thôn Nhì Tây	DC	xã Điền Lộc	H. Phong Điền	16° 40' 57"	107° 24' 58"					E-48-83-D-b
sông Ô Lâu	TV	xã Điền Lộc	H. Phong Điền			16° 27' 16"	107° 10' 32"	16° 39' 22"	107° 25' 47"	E-48-83-D-b
Bàu Rò	TV	xã Điền Lộc	H. Phong Điền	16° 40' 53"	107° 25' 39"					E-48-83-D-b
thôn Tân Hội	DC	xã Điền Lộc	H. Phong Điền	16° 42' 16"	107° 25' 50"					E-48-83-D-b
quốc lộ 49B	KX	xã Điền Môn	H. Phong Điền			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-83-D-a, E-48-83-D-b
Bàu Cuồng	TV	xã Điền Môn	H. Phong Điền	16° 42' 09"	107° 23' 36"					E-48-83-D-b
Bàu Hò	TV	xã Điền Môn	H. Phong Điền	16° 42' 23"	107° 23' 18"					E-48-83-D-b
thôn Kế Môn 1	DC	xã Điền Môn	H. Phong Điền	16° 41' 39"	107° 23' 43"					E-48-83-D-b
thôn Kế Môn 2	DC	xã Điền Môn	H. Phong Điền	16° 41' 23"	107° 24' 21"					E-48-83-D-b
sông Ô Lâu	TV	xã Điền Môn	H. Phong Điền			16° 27' 16"	107° 10' 32"	16° 39' 22"	107° 25' 47"	E-48-83-D-a,
chùa Vĩnh Xương	KX	xã Điền Môn	H. Phong Điền	16° 42' 12"	107° 22' 33"					E-48-83-D-b
thôn Vĩnh Xương 1	DC	xã Điền Môn	H. Phong Điền	16° 42' 06"	107° 22' 47"					E-48-83-D-b
thôn Vĩnh Xương 2	DC	xã Điền Môn	H. Phong Điền	16° 41' 54"	107° 23' 12"					E-48-83-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Phong An	H. Phong Điền			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-83-D-d
đường tỉnh 9	KX	xã Phong An	H. Phong Điền			16° 36' 44"	107° 22' 18"	16° 31' 10"	107° 16' 22"	E-48-83-D-d, E-48-83-D-c
đường tỉnh 11B	KX	xã Phong An	H. Phong Điền			16° 32' 46"	107° 27' 09"	16° 31' 14"	107° 19' 29"	E-48-83-D-d
đội 2 Đông Lâm	DC	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 33' 05"	107° 21' 56"					E-48-83-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu An Lỗ	KX	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 32' 42"	107° 27' 13"					E-48-83-D-d
hồ Bàu Co	TV	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 33' 26"	107° 24' 12"					E-48-83-D-d
Xóm Bồ	DC	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 33' 31"	107° 26' 40"					E-48-83-D-d
thôn Bồ Điền	DC	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 32' 32"	107° 26' 39"					E-48-83-D-d
xóm Cửa Trại	DC	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 32' 39"	107° 24' 33"					E-48-83-D-d
thôn Đông An	DC	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 32' 58"	107° 24' 57"					E-48-83-D-d
núi Động Bồ	SV	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 31' 25"	107° 24' 19"					E-48-83-D-d
núi Động Bừa	SV	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 31' 56"	107° 23' 56"					E-48-83-D-d
cầu Đông Lâm	KX	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 33' 16"	107° 24' 09"					E-48-83-D-d
thôn Đông Lâm	DC	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 32' 55"	107° 23' 46"					E-48-83-D-d
Đập Dum	KX	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 32' 04"	107° 24' 21"					E-48-83-D-d
Bàu Đưng	TV	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 33' 21"	107° 25' 40"					E-48-83-D-d
ga Hiền Sĩ	KX	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 31' 51"	107° 25' 48"					E-48-83-D-d
Nghĩa trang Liệt sĩ Hương Điền	KX	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 33' 04"	107° 25' 10"					E-48-83-D-d
xóm La Vần	DC	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 33' 44"	107° 26' 26"					E-48-83-D-d
hồ Mụ Hoa	TV	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 31' 53"	107° 23' 43"					E-48-83-D-d
Trường Cao đẳng Nghề Nguyễn Tri Phương	KX	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 32' 47"	107° 25' 27"					E-48-83-D-d
đập Ông Lơi	KX	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 33' 11"	107° 22' 48"					E-48-83-D-d
hồ Ông Lơi	TV	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 33' 21"	107° 22' 42"					E-48-83-D-d, E-48-83-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phò Ninh	DC	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 31' 52"	107° 25' 58"					E-48-83-D-d
Chi nhánh Điện lực Phong Điền	KX	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 32' 59"	107° 26' 45"					E-48-83-D-d
xóm Phú Lễ	DC	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 32' 57"	107° 24' 29"					E-48-83-D-d
thôn Phường Hóp	DC	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 32' 40"	107° 24' 26"					E-48-83-D-d
thôn Thượng An	DC	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 33' 16"	107° 26' 23"					E-48-83-D-d
cầu Thượng An Ngoài	KX	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 33' 05"	107° 26' 05"					E-48-83-D-d
cầu Thượng An Trong	KX	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 33' 10"	107° 26' 23"					E-48-83-D-d
thôn Vĩnh Hương	DC	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 32' 20"	107° 23' 30"					E-48-83-D-d
khe Vực Am	TV	xã Phong An	H. Phong Điền			16° 32' 55"	107° 22' 34"	16° 31' 15"	107° 24' 16"	E-48-83-D-d
Đập Vườn	KX	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 33' 06"	107° 24' 01"					E-48-83-D-d
Nhà máy Xi măng Đồng Lâm	KX	xã Phong An	H. Phong Điền	16° 31' 51"	107° 21' 56"					E-48-83-D-c
đường tỉnh 4	KX	xã Phong Bình	H. Phong Điền			16° 40' 10"	107° 19' 49"	16° 28' 58"	107° 33' 13"	E-48-83-D-a
đường tỉnh 6	KX	xã Phong Bình	H. Phong Điền			16° 39' 43"	107° 22' 52"	16° 34' 59"	107° 21' 47"	E-48-83-D-a, E-48-83-D-b
quốc lộ 49B	KX	xã Phong Bình	H. Phong Điền			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-83-D-a
Trằm Bàng	TV	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 38' 22"	107° 22' 05"					E-48-83-D-a, E-48-83-D-b
cầu Bàu Bàng	KX	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 38' 40"	107° 22' 27"					E-48-83-D-a
trằm Bàu Bàng	TV	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 39' 03"	107° 21' 48"					E-48-83-D-a
cầu Đông Mỹ	KX	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 39' 57"	107° 21' 11"					E-48-83-D-a
thôn Đông Mỹ	DC	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 40' 03"	107° 21' 08"					E-48-83-D-a
thôn Đông Phú	DC	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 41' 50"	107° 21' 20"					E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Trung Tây Hồ	DC	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 39' 52"	107° 20' 30"					E-48-83-D-a
thôn Hòa Viện	DC	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 40' 24"	107° 19' 47"					E-48-83-D-a
sông Ô Lâu	TV	xã Phong Bình	H. Phong Điền			16° 27' 16"	107° 10' 32"	16° 39' 22"	107° 25' 47"	E-48-83-D-a
thôn Rú Hóp	DC	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 39' 27"	107° 20' 52"					E-48-83-D-a
thôn Siêu Quần	DC	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 40' 40"	107° 20' 56"					E-48-83-D-a
thôn Tả Hữu Tự	DC	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 40' 01"	107° 20' 30"					E-48-83-D-a
cầu Tây Phú	KX	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 39' 48"	107° 20' 19"					E-48-83-D-a
thôn Tây Phú Phò Trạch	DC	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 39' 52"	107° 20' 17"					E-48-83-D-a
thôn Tây Phú Vân Trình	DC	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 41' 30"	107° 20' 37"					E-48-83-D-a
thôn Triều Quý	DC	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 39' 53"	107° 20' 51"					E-48-83-D-a
thôn Trung Thạnh	DC	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 41' 45"	107° 21' 06"					E-48-83-D-a
cầu Vân Trình	KX	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 41' 59"	107° 21' 23"					E-48-83-D-a
làng Vân Trình	DC	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 41' 47"	107° 21' 07"					E-48-83-D-a
thôn Vĩnh An	DC	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 40' 47"	107° 20' 02"					E-48-83-D-a
cầu Vĩnh An 2	KX	xã Phong Bình	H. Phong Điền	16° 41' 01"	107° 20' 09"					E-48-83-D-a
đường tỉnh 4	KX	xã Phong Chương	H. Phong Điền			16° 40' 10"	107° 19' 49"	16° 28' 58"	107° 33' 13"	E-48-83-D-a, E-48-83-D-b
đường tỉnh 6	KX	xã Phong Chương	H. Phong Điền			16° 39' 43"	107° 22' 52"	16° 34' 59"	107° 21' 47"	E-48-83-D-b, E-48-83-D-a E-48-83-D-d
Trằm Bàng	TV	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 38' 22"	107° 22' 05"					E-48-83-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Bàu	DC	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 38' 48"	107° 24' 36"					E-48-83-D-b
cầu Bàu Bàng	KX	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 38' 40"	107° 22' 27"					E-48-83-D-a
trằm Bàu Bàng	TV	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 39' 03"	107° 21' 48"					E-48-83-D-a, E-48-83-D-b
thôn Chính An	DC	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 39' 29"	107° 23' 19"					E-48-83-D-b
thôn Đại Phú	DC	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 40' 10"	107° 22' 25"					E-48-83-D-a
thôn Lương Mai	DC	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 40' 08"	107° 21' 41"					E-48-83-D-a
thôn Ma Nê	DC	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 41' 32"	107° 22' 07"					E-48-83-D-a
thôn Mỹ Phú	DC	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 39' 14"	107° 24' 07"					E-48-83-D-b
thôn Nhất Phong	DC	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 38' 59"	107° 24' 23"					E-48-83-D-b
sông Ô Lâu	TV	xã Phong Chương	H. Phong Điền			16° 27' 16"	107° 10' 32"	16° 39' 22"	107° 25' 47"	E-48-83-D-a, E-48-83-D-b
thôn Phú Lộc	DC	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 40' 46"	107° 22' 10"					E-48-83-D-a
Cầu Thiềm	KX	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 37' 28"	107° 23' 07"					E-48-83-D-d
Trằm Thiềm	TV	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 38' 01"	107° 22' 02"					E-48-83-D-d
thôn Trung Thạnh	DC	xã Phong Chương	H. Phong Điền	16° 39' 40"	107° 22' 43"					E-48-83-D-b
thôn Hải Đông	DC	xã Phong Hải	H. Phong Điền	16° 39' 46"	107° 29' 17"					E-48-83-D-b
thôn Hải Nhuận	DC	xã Phong Hải	H. Phong Điền	16° 40' 19"	107° 28' 31"					E-48-83-D-b
thôn Hải Phú	DC	xã Phong Hải	H. Phong Điền	16° 40' 13"	107° 28' 33"					E-48-83-D-b
thôn Hải Thành	DC	xã Phong Hải	H. Phong Điền	16° 40' 17"	107° 28' 34"					E-48-83-D-b
thôn Hải Thế	DC	xã Phong Hải	H. Phong Điền	16° 40' 43"	107° 28' 04"					E-48-83-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Phong Hiền	H. Phong Điền			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-83-D-d
đường tỉnh 9	KX	xã Phong Hiền	H. Phong Điền			16° 36' 44"	107° 22' 18"	16° 31' 10"	107° 16' 22"	E-48-83-D-d
đường tỉnh 11A	KX	xã Phong Hiền	H. Phong Điền			16° 32' 46"	107° 27' 09"	16° 34' 40"	107° 30' 54"	E-48-83-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu An Lỗ	KX	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 32' 42"	107° 27' 13"					E-48-83-D-d
thôn An Lỗ	DC	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 32' 59"	107° 27' 12"					E-48-83-D-d
thôn Bắc Thạnh	DC	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 34' 60"	107° 23' 30"					E-48-83-D-d
cầu Bàu Đưng	KX	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 34' 21"	107° 27' 25"					E-48-83-D-d
sông Bàu Sen	TV	xã Phong Hiền	H. Phong Điền			16° 34' 57"	107° 23' 57"	16° 34' 39"	107° 26' 02"	E-48-83-D-d
Sông Bồ	TV	xã Phong Hiền	H. Phong Điền			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-83-D-d
thôn Cao Ban	DC	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 34' 09"	107° 23' 30"					E-48-83-D-d
thôn Cao Xá	DC	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 33' 33"	107° 28' 02"					E-48-83-D-d
thôn Gia Viên	DC	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 33' 48"	107° 23' 30"					E-48-83-D-d
thôn Hiền Lương	DC	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 33' 13"	107° 23' 30"					E-48-83-D-d
thôn Hưng Long	DC	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 35' 04"	107° 23' 30"					E-48-83-D-d
thôn La Vần	DC	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 33' 49"	107° 02' 09"					E-48-83-D-d
cầu Phương Thạnh	KX	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 34' 03"	107° 27' 33"					E-48-83-D-d
thôn Sơn Tùng	DC	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 33' 59"	107° 23' 30"					E-48-83-D-d
thôn Thượng Hòa	DC	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 34' 31"	107° 23' 30"					E-48-83-D-d
thôn Triều Dương	DC	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 35' 39"	107° 23' 30"					E-48-83-D-d
thôn Tuông Cầu	DC	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 34' 32"	107° 27' 22"					E-48-83-D-d
thôn Vĩnh Nảy	DC	xã Phong Hiền	H. Phong Điền	16° 35' 04"	107° 25' 55"					E-48-83-D-d
đường tỉnh 6	KX	xã Phong Hòa	H. Phong Điền			16° 39' 43"	107° 22' 52"	16° 34' 59"	107° 21' 47"	E-48-83-D-b, E-48-83-D-d
đường tỉnh 9	KX	xã Phong Hòa	H. Phong Điền			16° 36' 44"	107° 22' 18"	16° 31' 10"	107° 16' 22"	E-48-83-D-c, E-48-83-D-d
quốc lộ 49B	KX	xã Phong Hòa	H. Phong Điền			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ba Bàu Chợ	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 39' 54"	107° 19' 53"					E-48-83-D-a
thôn Chùa Thiềm Thượng	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 39' 08"	107° 20' 21"					E-48-83-D-a
thôn Đông Thượng	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 39' 03"	107° 19' 00"					E-48-83-D-a
thôn Đức Phú	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 36' 36"	107° 22' 10"					E-48-83-D-c
thôn Hòa Đức	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 38' 41"	107° 18' 52"					E-48-83-D-a
Hói Lang	TV	xã Phong Hòa	H. Phong Điền			16° 38' 33"	107° 19' 39"	16° 39' 27"	107° 19' 13"	E-48-83-D-a
Thôn Mè	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 36' 45"	107° 19' 30"					E-48-83-D-c
thôn Mỹ Cang	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 38' 31"	107° 19' 06"					E-48-83-D-a
làng Mỹ Xuyên	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 38' 25"	107° 19' 10"					E-48-83-D-a
trằm Mỹ Xuyên	TV	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 37' 41"	107° 19' 58"					E-48-83-D-c, E-48-83-D-a
thôn Niêm	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 38' 36"	107° 20' 22"					E-48-83-D-a
Trằm Niêm	TV	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 37' 58"	107° 21' 24"					E-48-83-D-c, E-48-83-D-a
sông Ô Lâu	TV	xã Phong Hòa	H. Phong Điền			16° 27' 16"	107° 10' 32"	16° 39' 22"	107° 25' 47"	E-48-83-D-c, E-48-83-D-a
thôn Phước Phú	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 38' 25"	107° 18' 30"					E-48-83-D-a
cầu Phước Tích	KX	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 38' 19"	107° 18' 20"					E-48-83-D-a
Cầu Thiềm	KX	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 37' 28"	107° 23' 07"					E-48-83-D-d
Trằm Thiềm	TV	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 38' 01"	107° 22' 02"					E-48-83-D-b, E-48-83-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thuận Hòa	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 39' 56"	107° 19' 18"					E-48-83-D-a
Xóm Thượng	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 38' 50"	107° 20' 32"					E-48-83-D-a
thôn Trạch Phổ	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 38' 56"	107° 19' 44"					E-48-83-D-a
Thôn Trung	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 38' 17"	107° 18' 56"					E-48-83-D-a
Thôn Tư	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 39' 50"	107° 19' 26"					E-48-83-D-a
làng Ưu Điềm	DC	xã Phong Hòa	H. Phong Điền	16° 39' 56"	107° 19' 38"					E-48-83-D-a
đường tỉnh 9	KX	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 36' 44"	107° 22' 18"	16° 31' 10"	107° 16' 22"	E-48-83-D-c
đường tỉnh 17	KX	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 35' 11"	107° 21' 24"	16° 31' 30"	107° 18' 49"	E-48-83-D-c
đường tỉnh 11B	KX	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 32' 46"	107° 27' 09"	16° 31' 14"	107° 19' 29"	E-48-83-D-c
núi A Bo	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 26' 19"	107° 13' 57"					E-48-95-A
núi A Dóa	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 23' 50"	107° 08' 48"					E-48-95-A
suối A Đon	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 27' 58"	107° 16' 45"	16° 31' 51"	107° 18' 17"	E-48-83-D-c, E-48-95-B
khe An Thôn	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 34' 25"	107° 19' 13"	16° 34' 09"	107° 19' 26"	E-48-83-D-c
núi Ba Sai	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 30' 20"	107° 05' 37"					E-48-83-C
Núi Bai	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 29' 24"	107° 10' 39"					E-48-95-A
Cầu Bản	KX	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 31' 29"	107° 18' 48"					E-48-83-D-c
núi Ca Cút	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 26' 59"	107° 07' 42"					E-48-95-A
núi Cái Mương	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 33' 35"	107° 13' 59"					E-48-83-C
núi Cánh Dơi	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 32' 52"	107° 17' 08"					E-48-83-D-c
suối Cầu Nhi	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 32' 37"	107° 12' 52"	16° 34' 24"	107° 15' 19"	E-48-83-C, E-48-83-D-c
núi Cây Lợi	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 33' 51"	107° 17' 57"					E-48-83-D-c
núi Do Kion	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 31' 45"	107° 10' 14"					E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Động Đá	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 32' 45"	107° 19' 42"					E-48-83-D-c
thôn Đông Thái	DC	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 31' 29"	107° 19' 02"					E-48-83-D-c
bản Hạ Long	DC	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 30' 25"	107° 17' 60"					E-48-83-D-c
núi Hố Bôi	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 33' 28"	107° 18' 02"					E-48-83-D-c
thôn Hòa Bắc	DC	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 31' 25"	107° 16' 57"					E-48-83-D-c
thôn Hưng Thái	DC	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 33' 22"	107° 18' 38"					E-48-83-D-c
cầu Huỳnh Trúc	KX	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 32' 56"	107° 18' 48"					E-48-83-D-c
thôn Huỳnh Trúc	DC	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 32' 56"	107° 18' 44"					E-48-83-D-c
hồ Khe Chanh	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 34' 57"	107° 17' 34"					E-48-83-D-c
bản Khe Trăn	DC	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 31' 13"	107° 15' 38"					E-48-83-D-c
Khe Lấu	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 26' 56"	107° 11' 31"	16° 31' 23"	107° 12' 45"	E-48-83-C, E-48-95-A
núi Le Pa	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 32' 48"	107° 08' 20"					E-48-83-C
núi Li Li	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 30' 60"	107° 09' 06"					E-48-83-C
thôn Lưu Hiền Hòa	DC	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 31' 09"	107° 18' 39"					E-48-83-D-c
Khe Mạ	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 32' 54"	107° 16' 11"	16° 32' 51"	107° 18' 26"	E-48-83-D-c
Khe Me	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 30' 22"	107° 15' 50"	16° 31' 01"	107° 15' 54"	E-48-83-D-c
Khe Mối	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 26' 09"	107° 15' 21"	16° 31' 13"	107° 14' 57"	E-48-95-B
núi Muen	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 26' 05"	107° 10' 10"					E-48-95-A
rạch Mỹ Chánh	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 25' 31"	107° 09' 51"	16° 31' 17"	107° 08' 09"	E-48-83-C, E-48-95-A
sông Mỹ Chánh	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 31' 15"	107° 03' 37"	16° 34' 53"	107° 13' 49"	E-48-83-C
ngọn Ô Lâu	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 31' 14"	107° 10' 27"	16° 31' 20"	107° 11' 18"	E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Ô Lâu	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 27' 16"	107° 10' 32"	16° 39' 22"	107° 25' 47"	E-48-83-C, E-48-83-D-c
núi Ồ Ồ	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 29' 30"	107° 18' 29"					E-48-95-B
cầu Ông Kiến	KX	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 33' 42"	107° 19' 27"					E-48-83-D-c
núi Pa Lai	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 29' 28"	107° 08' 55"					E-48-95-A
núi Pe Lai	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 30' 18"	107° 08' 50"					E-48-83-C
thôn Phong Thu	DC	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 33' 39"	107° 18' 56"					E-48-83-D-c
thôn Phú Kinh Phường	DC	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 33' 29"	107° 18' 55"					E-48-83-D-c
thôn Phước Thọ	DC	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 30' 53"	107° 19' 42"					E-48-83-D-c
Khe Quao	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 25' 53"	107° 09' 33"	16° 24' 37"	107° 14' 55"	E-48-95-A
hồ Quao Hòa Mỹ	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 29' 16"	107° 19' 22"					E-48-95-B
suối Ra La	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 31' 55"	107° 14' 30"	16° 31' 15"	107° 15' 19"	E-48-83-C, E-48-83-D-c
cầu Rào Cột	KX	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 31' 04"	107° 18' 19"					E-48-83-D-c
sông Rào Trăng	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 24' 21"	107° 16' 41"	16° 23' 03"	107° 21' 01"	E-48-95-A
suối Tà Rờm	TV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền			16° 21' 23"	107° 15' 47"	16° 21' 32"	107° 17' 37"	E-48-95-A
thôn Tân Mỹ	DC	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 31' 01"	107° 17' 32"					E-48-83-D-c
núi Thượng Hùng	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 31' 06"	107° 03' 31"					E-48-83-C
núi Ton Bai	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 28' 57"	107° 07' 25"					E-48-95-A
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Phong Điền	KX	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 27' 28"	107° 17' 02"					E-48-83-D-c, E-48-95-B E-48-95-A E-48-83-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Va La Dút	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 24' 30"	107° 09' 16"					E-48-95-A
xóm Xuân Phú	DC	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 30' 41"	107° 20' 07"					E-48-83-D-c
núi Yên Bầu	SV	xã Phong Mỹ	H. Phong Điền	16° 34' 49"	107° 18' 43"					E-48-83-D-c
đường tỉnh 11B	KX	xã Phong Sơn	H. Phong Điền			16° 32' 46"	107° 27' 09"	16° 31' 14"	107° 19' 29"	E-48-83-D-c, E-48-83-D-d
Sông Bồ	TV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-95-B, E-48-83-D-d
Núi Bông	SV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 28' 35"	107° 24' 35"					E-48-95-B
Cầu Cháy	KX	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 30' 39"	107° 25' 59"					E-48-83-D-d
thôn Cổ By 1	DC	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 30' 21"	107° 25' 44"					E-48-83-D-d
thôn Cổ By 2	DC	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 29' 40"	107° 25' 48"					E-48-95-B
thôn Cổ By 3	DC	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 29' 28"	107° 25' 06"					E-48-95-B
cầu Công Thành	KX	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 29' 40"	107° 23' 19"					E-48-95-B
thôn Công Thành	DC	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 29' 53"	107° 23' 16"					E-48-95-B
núi Động Bồ	SV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 31' 25"	107° 24' 19"					E-48-83-D-d
thôn Đông Dạ	DC	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 31' 34"	107° 26' 21"					E-48-83-D-d
thôn Hiền An	DC	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 30' 17"	107° 22' 42"					E-48-83-D-d
cầu Hiền Sĩ	KX	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 31' 20"	107° 26' 33"					E-48-83-D-d
thôn Hiền Sĩ	DC	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 30' 55"	107° 26' 09"					E-48-83-D-d
núi Hòn Tre	SV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 27' 57"	107° 25' 02"					E-48-95-B
Đồi Huyện	SV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 31' 32"	107° 22' 57"					E-48-83-D-d
Suối Mạ	TV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền			16° 27' 53"	107° 22' 00"	16° 29' 18"	107° 23' 02"	E-48-95-B
núi Một Mái	SV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 27' 38"	107° 24' 46"					E-48-95-B
sông Ô Hô	TV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền			16° 31' 15"	107° 24' 16"	16° 30' 49"	107° 26' 12"	E-48-83-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ông Tre	SV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 27' 59"	107° 24' 08"					E-48-95-B
cầu Ông Vàng	KX	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 29' 43"	107° 24' 31"					E-48-95-B
suối Ông Vàng	TV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền			16° 29' 12"	107° 24' 21"	16° 30' 08"	107° 25' 18"	E-48-95-B, E-48-83-D-d
thôn Phe Tư	DC	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 30' 32"	107° 24' 52"					E-48-83-D-d
thôn Phổ Lại	DC	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 31' 17"	107° 23' 07"					E-48-83-D-d
sông Rào Lu	TV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền			16° 21' 32"	107° 17' 37"	16° 22' 53"	107° 20' 49"	E-48-95-B
sông Rào Trăng	TV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền			16° 24' 21"	107° 16' 41"	16° 23' 03"	107° 21' 01"	E-48-95-B
Núi Sơn	SV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 28' 17"	107° 25' 47"					E-48-95-B
thôn Sơn Bồ	DC	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 29' 13"	107° 25' 46"					E-48-95-B
thôn Sơn Quả	DC	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 29' 29"	107° 24' 13"					E-48-95-B
núi Tam Hanh	SV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 22' 51"	107° 16' 51"					E-48-95-B
Cầu Tẹc	KX	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 31' 32"	107° 26' 23"					E-48-83-D-d
suối nước khoáng nóng Thanh Tân	KX	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 29' 14"	107° 22' 33"					E-48-95-B
thôn Thanh Tân	DC	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 29' 39"	107° 23' 45"					E-48-95-B
Nhà máy Thủy điện Hương Điền	KX	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 27' 44"	107° 25' 14"					E-48-95-B
khe Tiêng Tranh	TV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền			16° 26' 50"	107° 19' 19"	16° 26' 06"	107° 22' 38"	E-48-95-B
Rào Trăng	TV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền			16° 24' 21"	107° 16' 41"	16° 23' 03"	107° 21' 01"	E-48-95-B
thôn Tứ Chánh	DC	xã Phong Sơn	H. Phong Điền	16° 30' 35"	107° 24' 29"					E-48-83-D-d
khe Vực Am	TV	xã Phong Sơn	H. Phong Điền			16° 32' 55"	107° 22' 34"	16° 31' 15"	107° 24' 16"	E-48-83-D-d
quốc lộ 1A	KX	xã Phong Thu	H. Phong Điền			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-83-D-c
đường tỉnh 6	KX	xã Phong Thu	H. Phong Điền			16° 39' 43"	107° 22' 52"	16° 34' 59"	107° 21' 47"	E-48-83-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 9	KX	xã Phong Thu	H. Phong Điền			16° 36' 44"	107° 22' 18"	16° 31' 30"	107° 18' 49"	E-48-83-D-c
đường tỉnh 17	KX	xã Phong Thu	H. Phong Điền			16° 35' 11"	107° 21' 24"	16° 31' 30"	107° 18' 49"	E-48-83-D-c
khe An Thôn	TV	xã Phong Thu	H. Phong Điền			16° 34' 25"	107° 19' 13"	16° 34' 09"	107° 19' 26"	E-48-83-D-c
thôn An Thôn	DC	xã Phong Thu	H. Phong Điền	16° 33' 56"	107° 19' 42"					E-48-83-D-c
núi Định Kỳ	SV	xã Phong Thu	H. Phong Điền	16° 33' 26"	107° 20' 24"					E-48-83-D-c
thôn Đông Lái	DC	xã Phong Thu	H. Phong Điền	16° 35' 54"	107° 20' 50"					E-48-83-D-c
thôn Huỳnh Liên	DC	xã Phong Thu	H. Phong Điền	16° 34' 03"	107° 20' 06"					E-48-83-D-c
thôn Khúc Lý/Ba Lạp	DC	xã Phong Thu	H. Phong Điền	16° 35' 51"	107° 21' 08"					E-48-83-D-c
sông Ô Lâu	TV	xã Phong Thu	H. Phong Điền			16° 27' 16"	107° 10' 32"	16° 39' 22"	107° 25' 47"	E-48-83-D-c
cầu Phò Trạch	KX	xã Phong Thu	H. Phong Điền	16° 35' 12"	107° 21' 18"					E-48-83-D-c
thôn Phú Xuân	DC	xã Phong Thu	H. Phong Điền	16° 36' 04"	107° 19' 34"					E-48-83-D-c
thôn Phương Lang	DC	xã Phong Thu	H. Phong Điền	16° 34' 14"	107° 19' 28"					E-48-83-D-c
thôn Tây Lái	DC	xã Phong Thu	H. Phong Điền	16° 36' 15"	107° 19' 48"					E-48-83-D-c
thôn Trạch Hữu	DC	xã Phong Thu	H. Phong Điền	16° 35' 15"	107° 20' 58"					E-48-83-D-c
thôn Ưu Thượng	DC	xã Phong Thu	H. Phong Điền	16° 36' 08"	107° 20' 27"					E-48-83-D-c
thôn Vân Trạch Hòa	DC	xã Phong Thu	H. Phong Điền	16° 34' 24"	107° 20' 25"					E-48-83-D-c
núi Yên Bầu	SV	xã Phong Thu	H. Phong Điền	16° 34' 49"	107° 18' 43"					E-48-83-D-c
đường tỉnh 9	KX	xã Phong Xuân	H. Phong Điền			16° 36' 44"	107° 22' 18"	16° 31' 10"	107° 16' 22"	E-48-83-D-c
đường tỉnh 11B	KX	xã Phong Xuân	H. Phong Điền			16° 32' 46"	107° 27' 09"	16° 31' 14"	107° 19' 29"	E-48-83-D-c, E-48-95-B
núi Ba Trục	SV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 28' 58"	107° 21' 31"					E-48-95-B
thôn Bến Củi	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 31' 46"	107° 22' 34"					E-48-83-D-d
thôn Bình An	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 29' 53"	107° 21' 45"					E-48-95-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Bùn	TV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền			16° 24' 37"	107° 14' 55"	16° 24' 21"	107° 16' 41"	E-48-95-A, E-48-95-B
núi Co Pung	SV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 22' 07"	107° 11' 27"					E-48-95-A
thôn Cổ Xuân	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 31' 51"	107° 22' 09"					E-48-83-D-c
thôn Điền Lộc	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 30' 45"	107° 21' 25"					E-48-83-D-c
thôn Hiền An 1	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 31' 34"	107° 22' 46"					E-48-83-D-d
cầu Hiền An 2	KX	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 30' 16"	107° 21' 59"					E-48-83-D-c
thôn Hiền An 2	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 30' 23"	107° 22' 16"					E-48-83-D-c
thôn Hiền An 3	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 30' 45"	107° 22' 35"					E-48-83-D-d
đồi Huyện	SV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 31' 32"	107° 22' 57"					E-48-83-D-d
cầu Khe Sậy	KX	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 30' 44"	107° 21' 06"					E-48-83-D-c
khe La Cóc	TV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền			16° 23' 10"	107° 15' 05"	16° 24' 40"	107° 15' 04"	E-48-95-B
Suối Mạ	TV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền			16° 27' 53"	107° 22' 00"	16° 29' 18"	107° 23' 02"	E-48-95-B
cống Máy Bay	KX	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 30' 13"	107° 22' 06"					E-48-83-D-c
Khe Mối	TV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền			16° 26' 09"	107° 15' 21"	16° 31' 13"	107° 14' 57"	E-48-95-B
cầu Ồ Ồ	KX	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 30' 34"	107° 21' 20"					E-48-83-D-c
khe Ồ Ồ	TV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền			16° 28' 33"	107° 21' 09"	16° 30' 35"	107° 21' 15"	E-48-95-B, E-48-83-D-c
thôn Phong Hòa	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 29' 49"	107° 22' 41"					E-48-95-B
thôn Quảng Lộc	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 31' 35"	107° 21' 15"					E-48-83-D-c
thôn Quảng Lợi	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 31' 34"	107° 20' 14"					E-48-83-D-c
Khe Quao	TV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền			16° 25' 53"	107° 09' 33"	16° 24' 37"	107° 14' 55"	E-48-95-A
suối Tà Rờm	TV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền			16° 21' 23"	107° 15' 47"	16° 21' 32"	107° 17' 37"	E-48-95-A
núi Tam Hanh	SV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 22' 51"	107° 16' 51"					E-48-95-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Lập	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 30' 14"	107° 21' 58"					E-48-83-D-c
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Phong Điền	KX	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 27' 28"	107° 17' 02"					E-48-95-B
Rào Trăng	TV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền			16° 24' 21"	107° 16' 41"	16° 23' 03"	107° 21' 01"	E-48-95-A
Sông Trăng	TV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền			16° 24' 21"	107° 16' 41"	16° 23' 03"	107° 21' 01"	E-48-95-A, E-48-95-B
thôn Vinh Ngạn 1	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 30' 20"	107° 21' 01"					E-48-83-D-c
thôn Vinh Ngạn 2	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 30' 23"	107° 20' 40"					E-48-83-D-c
thôn Vinh Phú	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 30' 16"	107° 20' 24"					E-48-83-D-c
khe Vực Am	TV	xã Phong Xuân	H. Phong Điền			16° 32' 55"	107° 22' 34"	16° 31' 15"	107° 24' 16"	E-48-83-D-d
Nhà máy Xi măng Đồng Lâm	KX	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 31' 51"	107° 21' 56"					E-48-83-D-c
thôn Xuân Lập	DC	xã Phong Xuân	H. Phong Điền	16° 29' 50"	107° 21' 55"					E-48-95-B
quốc lộ 1A	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-49-85-C-b
Đồn Biên phòng 236	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 50"	108° 05' 09"					E-49-85-C-a
làng An Cư Đông	DC	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 44"	108° 05' 10"					E-49-85-C-a
thôn An Cư Đông 1	DC	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 47"	108° 05' 08"					E-49-85-C-a
thôn An Cư Đông 2	DC	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 41"	108° 05' 14"					E-49-85-C-a
thôn An Cư Tân	DC	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 14' 37"	108° 04' 34"					E-49-85-C-a
thôn An Cư Tây	DC	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 33"	108° 02' 36"					E-49-85-C-a
khe Bạch Xà	TV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc			16° 14' 32"	108° 01' 29"	16° 14' 35"	108° 02' 08"	E-49-85-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Bàu Chè	TV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc			16° 11' 16"	108° 04' 16"	16° 13' 14"	108° 03' 50"	E-49-85-C-a
khu kinh tế Chân Mây/Lăng Cô	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 17' 11"	108° 00' 00"					E-49-85-A-c
Núi Chín	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 14' 53"	108° 00' 40"					E-49-85-C-a
Mũi Chùa	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 32"	108° 03' 51"					E-49-85-C-a
mũi Cửa Khâu	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 14' 18"	108° 03' 42"					E-49-85-C-a
mũi Cửa Khẩu	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 47"	108° 05' 28"					E-49-85-C-a
mũi Cửa Khẻm	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 12' 42"	108° 11' 32"					E-49-85-C-b
mũi Dạng Đình	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 15' 31"	108° 02' 36"					E-49-85-A-c
núi Độc Trạm	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 16' 31"	108° 02' 47"					E-49-85-A-c
cầu Đồn Nhì	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 12' 19"	108° 06' 34"					E-49-85-C-a
thôn Đông Dương	DC	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 14' 03"	108° 04' 58"					E-49-85-C-a
khe Đồng Giữa	TV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc			16° 12' 58"	108° 02' 25"	16° 13' 14"	108° 02' 34"	E-49-85-C-a
khe Đồng Sau	TV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc			16° 13' 57"	108° 01' 06"	16° 13' 18"	108° 02' 07"	E-49-85-C-a
đèo Hải Vân	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 11' 18"	108° 07' 44"					E-49-85-C-b
núi Hải Vân	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 11' 33"	108° 08' 04"					E-49-85-C-b
thôn Hải Vân	DC	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 22"	108° 05' 01"					E-49-85-C-a
ga Hải Vân Bắc	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 12' 46"	108° 06' 52"					E-49-85-C-a
cầu Hầm Đá	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 18"	108° 05' 14"					E-49-85-C-a
Núi Hói	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 11' 13"	108° 06' 14"					E-49-85-C-a
khe Hói Cạn	TV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc			16° 10' 53"	108° 03' 25"	16° 13' 18"	108° 03' 08"	E-49-85-C-a
núi Hói Cạn	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 04"	108° 02' 42"					E-49-85-C-a
khe Hói Dừa	TV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc			16° 11' 10"	108° 05' 32"	16° 13' 20"	108° 03' 39"	E-49-85-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hói Dừa	DC	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 06"	108° 03' 60"					E-49-85-C-a
khe Hói Mít	TV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc			16° 11' 53"	108° 00' 50"	16° 13' 49"	108° 02' 37"	E-49-85-C-a
làng Hói Mít	DC	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 21"	108° 02' 20"					E-49-85-C-a
núi Hói Mít	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 11' 41"	108° 00' 49"					E-49-85-C-a
núi Hòn Cháy	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 12' 22"	108° 00' 13"					E-49-85-C-a
núi Hòn Mụ	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 12' 48"	108° 00' 27"					E-49-85-C-a
núi Hòn Ông	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 46"	108° 00' 27"					E-49-85-C-a
khu du lịch nghỉ dưỡng Làng Cò	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 14' 24"	108° 04' 47"					E-49-85-C-a
bãi tắm Lăng Cô	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 14' 21"	108° 04' 54"					E-49-85-C-a
cầu Lăng Cô	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 34"	108° 04' 51"					E-49-85-C-a
đầm Lăng Cô	TV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 14' 02"	108° 03' 24"					E-49-85-C-a, E-49-85-A-c
ga Lăng Cô	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 22"	108° 04' 45"					E-49-85-C-a
niệm phật đường Lăng Cô	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 52"	108° 05' 05"					E-49-85-C-a
thôn Lập An	DC	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 15' 43"	108° 03' 27"					E-49-85-A-c
nhà thờ Loan Lý	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 14' 60"	108° 04' 18"					E-49-85-C-a
thôn Loan Lý	DC	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 14' 60"	108° 04' 16"					E-49-85-C-a
cầu Lý Thương	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 20"	108° 05' 23"					E-49-85-C-a
khe Nam Công	TV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc			16° 11' 34"	108° 06' 27"	16° 12' 51"	108° 07' 09"	E-49-85-C-a
khe Ông Huy	TV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc			16° 14' 55"	108° 01' 02"	16° 15' 30"	108° 02' 01"	E-49-85-A-c
đèo Phú Gia	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 15' 54"	108° 01' 58"					E-49-85-A-c
núi Phú Gia	SV	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 16' 35"	108° 02' 22"					E-49-85-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hầm số 3	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 12' 01"	108° 08' 51"					E-49-85-C-b
hầm số 4	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 08"	108° 06' 14"					E-49-85-C-a
hầm số 5	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 13' 38"	108° 05' 32"					E-49-85-C-a
khu du lịch nghỉ dưỡng Thanh Tâm	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 14' 45"	108° 04' 28"					E-49-85-C-a
Cầu Tràng	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 11' 42"	108° 07' 17"					E-49-85-C-a
cầu Vũng Thuyền	KX	TT. Lăng Cô	H. Phú Lộc	16° 12' 27"	108° 07' 14"					E-49-85-C-a
khu vực 1	DC	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 17' 15"	107° 51' 16"					E-48-96-B-c
quốc lộ 1A	KX	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-B-c, E-48-96-B-d
khu vực 2	DC	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 16' 56"	107° 51' 26"					E-48-96-B-c
khu vực 3	DC	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 16' 36"	107° 51' 50"					E-48-96-B-c
khu vực 4	DC	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 13' 13"	107° 52' 13"					E-48-96-B-c
khu vực 5	DC	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 16' 22"	107° 52' 44"					E-48-96-B-d
khu vực 6	DC	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 16' 04"	107° 52' 53"					E-48-96-B-d
khu vực 7	DC	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 15' 54"	107° 52' 36"					E-48-96-B-d
khu vực 8	DC	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 15' 48"	107° 52' 60"					E-48-96-B-d
khu vực 9	DC	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 15' 23"	107° 52' 36"					E-48-96-B-d
đập Thủy điện Bạch Mã	KX	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 13' 59"	107° 51' 53"					E-48-96-D-a
đường tỉnh Bạch Mã	KX	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc			16° 16' 18"	107° 52' 47"	16° 11' 56"	107° 51' 37"	E-48-96-B-d, E-48-96-B-c, E-48-96-D-a
núi Bạch Mã	SV	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 14' 30"	107° 51' 38"					E-48-96-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Vườn quốc gia Bạch Mã	KX	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 15' 04"	107° 52' 06"					E-48-96-B-c
đầm Cầu Hai	TV	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 19' 11"	107° 51' 02"					E-48-96-B-c, E-48-96-B-d
sông Cầu Hai	TV	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc			16° 14' 47"	107° 52' 23"	16° 16' 48"	107° 52' 46"	E-48-96-B-d
khe Cây Máu	TV	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc			16° 13' 59"	107° 51' 53"	16° 14' 47"	107° 52' 23"	E-48-96-D-a
bến Đá Bạc	KX	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 17' 19"	107° 50' 25"					E-48-96-B-c
hầm Đá Bạc	KX	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 17' 20"	107° 51' 08"					E-48-96-B-c
khe Đá Bạc	TV	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc			16° 16' 19"	107° 50' 50"	16° 17' 21"	107° 50' 17"	E-48-96-B-c
khu vực Đá Bạc	DC	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 17' 11"	107° 50' 28"					E-48-96-B-c
núi Đá Bạc	SV	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 16' 16"	107° 50' 52"					E-48-96-B-c
suối Đá Trột	TV	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc			16° 15' 34"	107° 51' 46"	16° 16' 40"	107° 52' 21"	E-48-96-B-c
núi Đồng Choai	SV	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 14' 58"	107° 50' 57"					E-48-96-B-c
núi Giàng Ta	SV	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 15' 50"	107° 51' 03"					E-48-96-B-c
Cầu Hai	KX	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 16' 20"	107° 52' 37"					E-48-96-B-d
đập Mụ Trí	KX	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 15' 58"	107° 52' 16"					E-48-96-B-c
đèo Mũi Né	SV	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	E-48-96-B-c	107° 51' 09"					E-48-96-B-c
đồi Mũi Né	SV	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 17' 05"	107° 51' 15"					E-48-96-B-c
Mũi Né	SV	TT. Phú Lộc	H. Phú Lộc	16° 17' 53"	107° 51' 35"					E-48-96-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Lộc An	H. Phú Lộc			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-B-c
thôn An Lại	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 19' 21"	107° 45' 57"					E-48-96-B-c
thôn Bắc Thượng	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 20' 28"	107° 46' 13"					E-48-96-B-c
thôn Bắc Trung	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 20' 14"	107° 46' 21"					E-48-96-B-c
đầm Cầu Hai	TV	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 19' 11"	107° 51' 02"					E-48-96-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Chai	TV	xã Lộc An	H. Phú Lộc			16° 17' 11"	107° 44' 51"	16° 17' 35"	107° 45' 40"	E-48-96-A-d, E-48-96-B-c
thôn Châu Thành	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 21' 23"	107° 45' 38"					E-48-96-B-c
cầu Chợ Hôm	KX	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 19' 45"	107° 45' 16"					E-48-96-B-c
sông Đại Giang	TV	xã Lộc An	H. Phú Lộc			16° 26' 39"	107° 39' 54"	16° 21' 40"	107° 46' 26"	E-48-96-B-c
Thôn Đông	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 20' 05"	107° 46' 50"					E-48-96-B-c
kênh Hà Châu	TV	xã Lộc An	H. Phú Lộc			16° 20' 56"	107° 46' 01"	16° 22' 08"	107° 45' 10"	E-48-96-B-c
thôn Hai Hà	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 20' 37"	107° 45' 36"					E-48-96-B-c
Thôn Nam	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 19' 46"	107° 46' 49"					E-48-96-B-c
thôn Nam Phổ Cần	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 18' 32"	107° 45' 51"					E-48-96-B-c
kênh Nam Phổ Hạ	TV	xã Lộc An	H. Phú Lộc			16° 20' 24"	107° 45' 09"	16° 19' 14"	107° 46' 05"	E-48-96-B-c
thôn Nam Phổ Hạ	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 19' 38"	107° 45' 48"					E-48-96-B-c
Sông Nông	TV	xã Lộc An	H. Phú Lộc			16° 15' 25"	107° 40' 57"	16° 22' 08"	107° 45' 17"	E-48-96-A-d, E-48-96-B-c
Khe Nước	TV	xã Lộc An	H. Phú Lộc			16° 17' 46"	107° 43' 57"	16° 20' 23"	107° 45' 09"	E-48-96-A-d
cầu Ông Nghị	KX	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 19' 34"	107° 45' 55"					E-48-96-B-c
thôn Phú Môn	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 20' 20"	107° 45' 42"					E-48-96-B-c
thôn Phước Mỹ	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 18' 44"	107° 45' 31"					E-48-96-B-c
thôn Phước Trạch	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 19' 04"	107° 45' 16"					E-48-96-B-c
Cống Quan	KX	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 21' 40"	107° 46' 26"					E-48-96-B-c
thôn Tây A	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 20' 05"	107° 46' 27"					E-48-96-B-c
thôn Tây B	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 19' 50"	107° 46' 33"					E-48-96-B-c
hồ Thâm Tuấn	TV	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 20' 57"	107° 46' 22"					E-48-96-B-c
Sông Truồi	TV	xã Lộc An	H. Phú Lộc			16° 15' 33"	107° 46' 56"	16° 21' 11"	107° 47' 15"	E-48-96-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đập Truồi 1	KX	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 20' 36"	107° 47' 01"					E-48-96-B-c
thôn Xuân Lai	DC	xã Lộc An	H. Phú Lộc	16° 19' 34"	107° 46' 03"					E-48-96-B-c
quốc lộ 49B	KX	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-84-C-c
Trạm Biên phòng A	KX	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 20' 35"	107° 56' 38"					E-48-96-B-d
thôn An Bình	DC	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 21' 03"	107° 54' 59"					E-48-96-B-d
núi Bờ Gò	SV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 20' 54"	107° 55' 24"					E-48-96-B-d
khe Cá Trình	TV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc			16° 18' 26"	107° 55' 51"	16° 18' 38"	107° 55' 08"	E-48-96-B-d
đầm Cầu Hai	TV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 19' 11"	107° 51' 02"					E-48-96-B-d
mũi Chân Mây Tây	SV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 20' 44"	107° 57' 11"					E-48-96-B-d
khe Đập Làng	TV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc			16° 19' 34"	107° 55' 39"	16° 19' 35"	107° 55' 21"	E-48-96-B-d
núi Động Nhựt	SV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 18' 29"	107° 56' 09"					E-48-96-B-d
thôn Hải Bình	DC	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 20' 26"	107° 56' 16"					E-48-96-B-d
thôn Hòa An	DC	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 19' 16"	107° 55' 33"					E-48-96-B-d
núi Hòn Mội	SV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 20' 11"	107° 55' 20"					E-48-96-B-d
núi Hòn Quện	SV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 18' 14"	107° 54' 57"					E-48-96-B-d
khe Lã Lã	TV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc			16° 20' 07"	107° 55' 35"	16° 19' 55"	107° 55' 15"	E-48-96-B-d
thôn Mai Gia Phường	DC	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 18' 30"	107° 55' 15"					E-48-96-B-d
Khe Mệ	TV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc			16° 19' 05"	107° 56' 12"	16° 19' 26"	107° 55' 13"	E-48-96-B-d
núi Phú Xuyên	SV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 17' 55"	107° 55' 30"					E-48-96-B-d
Khe Sến	TV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc			16° 19' 00"	107° 55' 52"	16° 19' 15"	107° 55' 17"	E-48-96-B-d
thôn Tân An	DC	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 17' 37"	107° 54' 60"					E-48-96-B-d
thôn Tân Bình	DC	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 20' 22"	107° 55' 08"					E-48-96-B-d
cửa Tư Hiền	TV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 21' 30"	107° 55' 08"					E-48-96-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Vĩnh Phong	SV	xã Lộc Bình	H. Phú Lộc	16° 19' 48"	107° 56' 28"					E-48-96-B-d
quốc lộ 1A	KX	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-d
đường tỉnh 14B	KX	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc			16° 20' 11"	107° 44' 40"	16° 07' 29"	107° 37' 38"	E-48-96-A-d
đường tỉnh 15	KX	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc			16° 23' 19"	107° 41' 02"	16° 17' 15"	107° 38' 13"	E-48-96-A-d
hồ Bầu Sình	TV	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc	16° 20' 40"	107° 43' 52"					E-48-96-A-d
khu tái định cư Bến Ván	DC	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc	16° 17' 51"	107° 41' 51"					E-48-96-A-d
thôn Bình An	DC	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc	16° 21' 52"	107° 43' 58"					E-48-96-A-d
khe Cây Mùng	TV	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc			16° 18' 14"	107° 43' 48"	16° 18' 59"	107° 42' 58"	E-48-96-A-d
Khe Chứa	TV	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc			16° 18' 40"	107° 40' 38"	16° 18' 32"	107° 41' 56"	E-48-96-A-d
kênh Hà Châu	TV	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc			16° 20' 56"	107° 46' 01"	16° 22' 08"	107° 45' 10"	E-48-96-B-c
thôn Hòa Mỹ	DC	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc	16° 21' 12"	107° 43' 44"					E-48-96-A-d
thôn Hòa Vang	DC	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc	16° 21' 46"	107° 43' 38"					E-48-96-A-d
sông La Sơn	TV	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc			16° 20' 05"	107° 43' 16"	16° 20' 24"	107° 45' 09"	E-48-96-A-d
Khe Ngang	TV	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc			16° 18' 08"	107° 40' 19"	16° 18' 32"	107° 41' 56"	E-48-96-A-d
Sông Nông	TV	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc			16° 15' 25"	107° 40' 57"	16° 22' 08"	107° 45' 17"	E-48-96-A-d
Khe Sòng	TV	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc			16° 19' 02"	107° 40' 51"	16° 20' 52"	107° 42' 54"	E-48-96-A-d
khe Tân Sài	TV	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc			16° 17' 35"	107° 41' 39"	16° 17' 39"	107° 42' 08"	E-48-96-A-d
thôn Thuận Hóa	DC	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc	16° 21' 32"	107° 44' 09"					E-48-96-A-d
Khe Trái	TV	xã Lộc Bổn	H. Phú Lộc			16° 18' 32"	107° 41' 56"	16° 20' 01"	107° 43' 03"	E-48-96-A-d
quốc lộ 1A	KX	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-B-c
đường tỉnh Bạch Mã	KX	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc			16° 16' 18"	107° 52' 47"	16° 11' 56"	107° 51' 37"	E-48-96-D-a
núi Bạch Mã	SV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 14' 30"	107° 51' 38"					E-48-96-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bạch Thạch	DC	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 17' 11"	107° 49' 55"					E-48-96-B-c
Cầu Bảng	KX	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 17' 26"	107° 48' 55"					E-48-96-B-c
thôn Bát Sơn	DC	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 17' 47"	107° 48' 29"					E-48-96-B-c
nghĩa địa Bầu Tràm	KX	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 17' 43"	107° 46' 18"					E-48-96-B-c
đầm Cầu Hai	TV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 19' 11"	107° 51' 02"					E-48-96-B-c
núi Cây Soóc	SV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 15' 02"	107° 47' 35"					E-48-96-B-c
cầu Đá Bạc	KX	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 17' 20"	107° 50' 11"					E-48-96-B-c
khe Đá Bạc	TV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc			16° 16' 19"	107° 50' 50"	16° 17' 21"	107° 50' 17"	E-48-96-B-c
núi Đá Bạc	SV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 16' 16"	107° 50' 52"					E-48-96-B-c
Khe Đai	TV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc			16° 10' 31"	107° 49' 51"	16° 14' 18"	107° 47' 26"	E-48-96-D-a
thác Đỗ Quyên	TV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 11' 13"	107° 50' 50"					E-48-96-D-a
thôn Đông An	DC	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 19' 21"	107° 46' 29"					E-48-96-B-c
núi Đồng Choai	SV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 14' 58"	107° 50' 57"					E-48-96-B-c
núi Động Truồi	SV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 13' 57"	107° 45' 24"					E-48-96-D-a
thôn Đông Xuân	DC	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 19' 05"	107° 46' 15"					E-48-96-B-c
núi Giàng Ta	SV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 15' 50"	107° 51' 03"					E-48-96-B-c
suối Hoàng Yến	TV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc			16° 11' 39"	107° 51' 44"	16° 10' 44"	107° 50' 54"	E-48-96-D-a
khe Lồ Ô	TV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc			16° 12' 08"	107° 51' 38"	16° 14' 54"	107° 47' 52"	E-48-96-D-a
núi Lưới Cá	SV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 14' 40"	107° 50' 05"					E-48-96-D-a
cầu Lương Điền	KX	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 18' 36"	107° 47' 17"					E-48-96-B-c
thôn Lương Điền Đông	DC	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 18' 16"	107° 46' 58"					E-48-96-B-c
thôn Lương Điền Thượng	DC	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 18' 11"	107° 46' 08"					E-48-96-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lương Quý Phú	DC	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 18' 44"	107° 47' 30"					E-48-96-B-c
thôn Miêu Nha	DC	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 19' 32"	107° 46' 54"					E-48-96-B-c
khe Ông Lài	TV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc			16° 17' 22"	107° 47' 58"	16° 17' 54"	107° 48' 33"	E-48-96-B-c
thôn Quê Chữ	DC	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 18' 41"	107° 46' 45"					E-48-96-B-c
thôn Sư Lỗ	DC	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 19' 06"	107° 46' 51"					E-48-96-B-c
núi Tri Giang	SV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 18' 07"	107° 47' 25"					E-48-96-B-c
thôn Trung Chánh	DC	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 18' 19"	107° 47' 56"					E-48-96-B-c
Ga Truồi	KX	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 19' 13"	107° 46' 22"					E-48-96-B-c
Hồ Truồi	TV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc	16° 15' 05"	107° 46' 56"					E-48-96-B-c, E-48-96-D-a
Sông Truồi	TV	xã Lộc Điền	H. Phú Lộc			16° 15' 33"	107° 46' 56"	16° 21' 11"	107° 47' 15"	E-48-96-B-c
thôn 1	DC	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 17' 16"	107° 45' 40"					E-48-96-B-c
thôn 2	DC	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 16' 39"	107° 45' 56"					E-48-96-B-c
thôn 3	DC	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 16' 30"	107° 46' 07"					E-48-96-B-c
thôn 4	DC	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 16' 03"	107° 46' 20"					E-48-96-B-c
thôn 5	DC	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 16' 14"	107° 46' 57"					E-48-96-B-c
thôn 6	DC	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 16' 21"	107° 46' 25"					E-48-96-B-c
thôn 7	DC	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 16' 54"	107° 46' 18"					E-48-96-B-c
thôn 8	DC	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 17' 26"	107° 46' 01"					E-48-96-B-c
thôn 9	DC	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 17' 07"	107° 46' 54"					E-48-96-B-c
thôn 10	DC	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 16' 19"	107° 47' 42"					E-48-96-B-c
núi Cây Soóc	SV	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 15' 02"	107° 47' 35"					E-48-96-B-c
đập Cây Xoài	KX	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 16' 42"	107° 47' 36"					E-48-96-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Chai	TV	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc			16° 17' 11"	107° 44' 51"	16° 17' 35"	107° 45' 40"	E-48-96-B-c
núi Động Truồi	SV	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 13' 57"	107° 45' 24"					E-48-96-D-a
Khe Lốt	TV	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc			16° 15' 49"	107° 44' 02"	16° 17' 01"	107° 42' 00"	E-48-96-A-d
đình Phú Sơn	KX	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc	16° 17' 04"	107° 46' 07"					E-48-96-B-c
Sông Truồi	TV	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc			16° 15' 33"	107° 46' 56"	16° 21' 11"	107° 47' 15"	E-48-96-B-c
kênh Vũng Bính	TV	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc			16° 15' 56"	107° 45' 11"	16° 16' 18"	107° 46' 18"	E-48-96-B-c
khe Vũng Bính	TV	xã Lộc Hòa	H. Phú Lộc			16° 16' 10"	107° 44' 37"	16° 15' 56"	107° 45' 11"	E-48-96-A-d, E-48-96-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-A-d, E-48-96-B-c
đường tỉnh 14B	KX	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc			16° 20' 11"	107° 44' 40"	16° 07' 29"	107° 37' 38"	E-48-96-A-d
kênh 19/5	TV	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc			16° 21' 09"	107° 45' 21"	16° 21' 08"	107° 44' 33"	E-48-96-A-d, E-48-96-B-c
thôn An Sơn	DC	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc	16° 21' 07"	107° 44' 13"					E-48-96-A-d
Núi Bông	SV	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc	16° 18' 19"	107° 43' 29"					E-48-96-A-d
khe Cây Mùng	TV	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc			16° 18' 14"	107° 43' 48"	16° 18' 59"	107° 42' 58"	E-48-96-A-d
cầu Chợ Hôm	KX	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc	16° 19' 45"	107° 45' 16"					E-48-96-B-c
đền Diệu Vân	KX	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc	16° 18' 44"	107° 44' 34"					E-48-96-A-d
khe Đũa Bếp	TV	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc			16° 18' 53"	107° 44' 07"	16° 18' 49"	107° 44' 49"	E-48-96-A-d
kênh Kiệt Cá	TV	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc			16° 20' 45"	107° 45' 26"	16° 20' 42"	107° 44' 37"	E-48-96-A-d, E-48-96-B-c
cầu La Sơn	KX	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc	16° 20' 35"	107° 44' 22"					E-48-96-A-d
sông La Sơn	TV	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc			16° 20' 05"	107° 43' 16"	16° 20' 24"	107° 45' 09"	E-48-96-A-d
thôn La Sơn	DC	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc	16° 20' 46"	107° 44' 14"					E-48-96-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Nước	TV	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc			16° 17' 46"	107° 43' 57"	16° 20' 23"	107° 45' 09"	E-48-96-A-d
thôn Vinh Sơn	DC	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc	16° 19' 45"	107° 44' 38"					E-48-96-A-d
thôn Xuân Sơn	DC	xã Lộc Sơn	H. Phú Lộc	16° 20' 19"	107° 44' 27"					E-48-96-A-d
quốc lộ 1A	KX	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-B-d
thôn An Bàng	DC	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 16' 11"	107° 55' 57"					E-48-96-B-d
đập Bà Đội	KX	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 14' 27"	107° 55' 49"					E-48-96-D-b
núi Bà Đội	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 14' 12"	107° 55' 26"					E-48-96-D-b
suối Bà Đội	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 13' 32"	107° 57' 12"	16° 14' 17"	107° 56' 56"	E-48-96-D-b
cầu Bào Hưng	KX	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 16' 31"	107° 55' 17"					E-48-96-B-d
núi Bầu Năng	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 13' 52"	107° 56' 35"					E-48-96-D-b
suối Bi Hồ	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 16' 05"	107° 55' 06"	16° 16' 53"	107° 56' 26"	E-48-96-B-d
sông Bù Lu	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 16' 52"	107° 56' 26"	16° 19' 11"	107° 58' 29"	E-48-96-B-d
núi Cai Tong	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 12' 54"	107° 59' 12"					E-48-96-D-b
khu kinh tế Chân Mây/Lăng Cô	KX	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 17' 11"	108° 00' 00"					E-49-85-A-c
núi Cháy Lim	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 18' 48"	107° 56' 48"					E-48-96-B-d
Khe Cóc	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 11' 51"	107° 56' 23"	16° 13' 19"	107° 56' 16"	E-48-96-D-b
khe Côm Mồ	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 13' 16"	107° 56' 22"	16° 14' 18"	107° 55' 56"	E-48-96-D-b
khe Đá Trắng	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 13' 20"	107° 56' 52"	16° 13' 57"	107° 56' 00"	E-48-96-D-b
núi Đầm 14	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 12' 55"	107° 54' 44"					E-48-96-D-b
Khe Diều	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 14' 30"	107° 57' 34"	16° 14' 14"	107° 57' 08"	E-48-96-D-b
núi Động Nhựt	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 18' 29"	107° 56' 09"					E-48-96-B-d
núi Động Tóp	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 14' 25"	107° 58' 00"					E-48-96-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hòn Voi	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 12' 17"	107° 56' 48"					E-48-96-D-b
núi Hòng Chang	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 11' 49"	107° 58' 06"					E-48-96-D-b
Khe Mệ	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 13' 07"	107° 58' 55"	16° 14' 31"	107° 56' 48"	E-48-96-D-b
núi Mỏ Diều	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 15' 13"	107° 57' 01"					E-48-96-B-d
núi Mộc Chọc	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 14' 38"	107° 57' 32"					E-48-96-D-b
Hòn Một	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 18' 02"	107° 56' 36"					E-48-96-B-d
thôn Nam Phước	DC	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 18' 26"	107° 57' 40"					E-48-96-B-d
khe Nước Đổ	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 12' 47"	107° 54' 53"	16° 14' 58"	107° 56' 20"	E-48-96-D-b
cầu Nước Ngọt	KX	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 16' 22"	107° 56' 37"					E-48-96-B-d
sông Nước Ngọt	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 14' 58"	107° 56' 20"	16° 16' 52"	107° 56' 26"	E-48-96-B-d
núi Ông Bang	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 14' 42"	107° 54' 51"					E-48-96-D-b
núi Ông Dòng	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 14' 13"	107° 56' 44"					E-48-96-D-b
khe Ông Lu	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 18' 22"	107° 57' 01"	16° 17' 45"	107° 57' 11"	E-48-96-B-d
thôn Phú Cường	DC	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 16' 21"	107° 56' 03"					E-48-96-B-d
đình Phú Xuyên	KX	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 17' 23"	107° 56' 08"					E-48-96-B-d
núi Phú Xuyên	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 17' 55"	107° 55' 30"					E-48-96-B-d
thôn Phú Xuyên	DC	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 16' 59"	107° 55' 52"					E-48-96-B-d
thôn Phước Hưng	DC	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 16' 23"	107° 57' 04"					E-48-96-B-d
đèo Phước Tượng	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 16' 44"	107° 54' 45"					E-48-96-B-d
núi Phước Tượng	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 17' 01"	107° 55' 02"					E-48-96-B-d
dãy núi Răng Cưa	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 16' 41"	107° 11' 44"					E-48-96-D-b
khu nghỉ mát Suối Tiên	KX	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 13' 46"	107° 56' 07"					E-48-96-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Thừa Lưu	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 15' 01"	107° 58' 56"	16° 17' 19"	107° 56' 56"	E-48-96-B-d
núi Thủy Bình	SV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 15' 10"	107° 57' 58"					E-48-96-B-d
sông Thủy Bình	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 15' 52"	107° 57' 59"	16° 16' 02"	107° 58' 52"	E-48-96-B-d
thôn Thủy Cam	DC	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 15' 03"	107° 56' 26"					E-48-96-B-d
đập Thủy Xuân	KX	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 14' 34"	107° 56' 46"					E-48-96-D-b
thôn Thủy Yên Thôn	DC	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 15' 32"	107° 55' 52"					E-48-96-B-d
thôn Thủy Yên Thượng	DC	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 14' 52"	107° 56' 02"					E-48-96-B-d
thôn Tơ Đập	DC	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc	16° 15' 56"	107° 56' 51"					E-48-96-B-d
khe Trầm Câu	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 11' 58"	107° 58' 01"	16° 13' 16"	107° 56' 22"	E-48-96-D-b
Khe Xu	TV	xã Lộc Thủy	H. Phú Lộc			16° 18' 13"	107° 55' 56"	16° 17' 20"	107° 55' 54"	E-48-96-B-d
quốc lộ 1A	KX	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-B-d, E-49-85-A-c
cầu Bàu Sen	KX	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 16' 00"	107° 58' 49"					E-48-96-B-d
suối Bô Gơ	TV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc			16° 14' 14"	108° 00' 18"	16° 15' 51"	107° 58' 51"	E-49-85-C-a
núi Cai Tong	SV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 12' 54"	107° 59' 12"					E-48-96-D-b
khu kinh tế Chân Mây/Lăng Cô	KX	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 17' 11"	108° 00' 00"					E-49-85-A-c
Núi Chín	SV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 14' 53"	108° 00' 40"					E-49-85-C-a
núi Đá Kẹp	SV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 17' 35"	108° 01' 49"					E-49-85-A-c
núi Động Tóp	SV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 14' 25"	107° 58' 00"					E-48-96-D-b
núi Hòn Cháy	SV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 12' 22"	108° 00' 13"					E-49-85-C-a
núi Hòn Mụ	SV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 12' 48"	108° 00' 27"					E-49-85-C-a
núi Hòn Ông	SV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 13' 46"	108° 00' 27"					E-49-85-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Mỹ Gia	TV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc			16° 17' 46"	108° 01' 19"	16° 18' 59"	108° 01' 03"	E-49-85-A-c
suối Mỹ Gia	TV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc			16° 16' 34"	108° 01' 19"	16° 18' 59"	108° 01' 03"	E-49-85-A-c
đèo Phú Gia	SV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 15' 54"	108° 01' 58"					E-49-85-A-c
hầm Phú Gia	KX	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 15' 45"	108° 01' 43"					E-49-85-A-c
núi Phú Gia	SV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 16' 35"	108° 02' 22"					E-49-85-A-c
thôn Phú Gia	DC	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 16' 24"	108° 01' 26"					E-49-85-A-c
thôn Phước An	DC	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 16' 54"	107° 58' 45"					E-48-96-B-d
thôn Phước Lộc	DC	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 16' 51"	107° 58' 14"					E-48-96-B-d
thôn Tam Vị	DC	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 17' 09"	108° 01' 33"					E-49-85-A-c
thôn Thổ Sơn	DC	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 16' 39"	108° 00' 35"					E-49-85-A-c
cầu Thừa Lưu	KX	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 16' 20"	107° 59' 09"					E-48-96-B-d
ga Thừa Lưu	KX	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 16' 19"	107° 59' 30"					E-48-96-B-d
sông Thừa Lưu	TV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc			16° 15' 01"	107° 58' 56"	16° 17' 19"	107° 56' 56"	E-48-96-B-d
núi Thủy Bình	SV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 15' 10"	107° 57' 58"					E-48-96-B-d
sông Thủy Bình	TV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc			16° 15' 52"	107° 57' 59"	16° 16' 02"	107° 58' 52"	E-48-96-B-d
thôn Thủy Dương	DC	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 15' 27"	107° 58' 28"					E-48-96-B-d
thôn Thủy Tụ	DC	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 16' 15"	107° 58' 55"					E-48-96-B-d
Núi Trọc	SV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 16' 44"	108° 00' 22"					E-49-85-A-c
thôn Trung Kiền	DC	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc	16° 16' 27"	107° 59' 29"					E-48-96-B-d
Suối Voi	TV	xã Lộc Tiến	H. Phú Lộc			16° 12' 47"	108° 00' 01"	16° 15' 01"	107° 58' 56"	E-48-96-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc			16° 36' 19"	107° 19' 26"	16° 11' 18"	108° 07' 44"	E-48-96-B-d
quốc lộ 49B	KX	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-84-C-c
đập Thủy điện	KX	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 13' 59"	107° 51' 53"					E-48-96-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bạch Mã										
đường tỉnh Bạch Mã	KX	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc			16° 16' 18"	107° 52' 47"	16° 11' 56"	107° 51' 37"	E-48-96-D-a
núi Bạch Mã	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 14' 30"	107° 51' 38"					E-48-96-D-a
Vườn quốc gia Bạch Mã	KX	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 15' 04"	107° 52' 06"					E-48-96-D-a
núi Cân Nhọn	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 13' 52"	107° 53' 27"					E-48-96-D-b
thôn Cao Đôi Xã	DC	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 15"	107° 52' 59"					E-48-96-B-d
đầm Cầu Hai	TV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 19' 11"	107° 51' 02"					E-48-96-B-d, E-48-96-B-c
ga Cầu Hai	KX	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 15"	107° 53' 05"					E-48-96-B-d
sông Cầu Hai	TV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc			16° 14' 47"	107° 52' 23"	16° 16' 48"	107° 52' 46"	E-48-96-D-a, E-48-96-B-d
khe Cây Máu	TV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc			16° 13' 59"	107° 51' 53"	16° 14' 47"	107° 52' 23"	E-48-96-D-a
núi Đá Bạc	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 14' 47"	107° 53' 11"					E-48-96-D-b
núi Đằm Gòn	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 25"	107° 54' 21"					E-48-96-B-d
suối Đỗ Quyên	TV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc			16° 10' 44"	107° 50' 54"	16° 09' 53"	107° 51' 21"	E-48-96-D-a
thác Đỗ Quyên	TV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 11' 13"	107° 50' 50"					E-48-96-D-a
thôn Đông Hải	DC	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 40"	107° 52' 45"					E-48-96-B-d
thôn Đông Lưu	DC	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 22"	107° 52' 54"					E-48-96-B-d
đình Hòa Mậu	KX	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 15' 56"	107° 53' 15"					E-48-96-B-d
thôn Hòa Mậu	DC	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 15' 51"	107° 53' 16"					E-48-96-B-d
suối Hoàng Yến	TV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc			16° 11' 39"	107° 51' 44"	16° 10' 44"	107° 50' 54"	E-48-96-D-a
cầu Hói Rui	KX	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 13"	107° 53' 37"					E-48-96-B-d
sông Hói Rui	TV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc			16° 16' 11"	107° 53' 35"	16° 16' 57"	107° 53' 49"	E-48-96-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hòn Dài	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 23"	107° 54' 05"					E-48-96-B-d
núi Hòn On	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 58"	107° 53' 58"					E-48-96-B-d
thôn Khe Su	DC	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 14' 21"	107° 52' 35"					E-48-96-D-b
cầu Khe Thị	KX	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 15' 34"	107° 53' 11"					E-48-96-B-d
suối Khe Thị	TV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc			16° 14' 27"	107° 53' 39"	16° 15' 43"	107° 53' 09"	E-48-96-D-b, E-48-96-B-d
thôn Lê Thái Thiện	DC	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 35"	107° 53' 20"					E-48-96-B-d
núi Lia Thia	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 11' 03"	107° 51' 51"					E-48-96-D-a
núi Lưu Hương	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 12' 26"	107° 53' 17"					E-48-96-D-b
đình Mậu Tài	KX	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 06"	107° 53' 19"					E-48-96-B-d
Xóm Mội	DC	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 53"	107° 54' 04"					E-48-96-B-d
khe Mụ Phong	TV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc			16° 12' 29"	107° 53' 29"	16° 13' 00"	107° 54' 05"	E-48-96-D-b
thác Nhị Hồ	TV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 14' 12"	107° 53' 36"					E-48-96-D-b
núi Ông Bang	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 14' 42"	107° 54' 51"					E-48-96-D-b
núi Phước Tượng	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 17' 01"	107° 55' 02"					E-48-96-B-d
thôn PhướcTượng	DC	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 17' 02"	107° 54' 38"					E-48-96-B-d
núi Răng Cưa	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 14' 29"	107° 54' 28"					E-48-96-D-b
đồi Sim Chị	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 14' 11"	107° 53' 47"					E-48-96-D-b
đồi Sim Em	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 14' 13"	107° 54' 05"					E-48-96-D-b
hầm số 7	KX	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 47"	107° 54' 44"					E-48-96-B-d
Khe Su	TV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc			16° 12' 55"	107° 52' 38"	16° 14' 47"	107° 52' 23"	E-48-96-D-a, E-48-96-D-b
Khe Sú	TV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc			16° 11' 51"	107° 51' 44"	16° 12' 55"	107° 52' 38"	E-48-96-D-a, E-48-96-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Suối Chị	TV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc			16° 13' 07"	107° 54' 30"	16° 14' 27"	107° 53' 39"	E-48-96-D-b
núi Trung An	SV	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 28"	107° 53' 20"					E-48-96-B-d
thôn Trung An	DC	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 28"	107° 53' 15"					E-48-96-B-d
thôn Trung Phước	DC	xã Lộc Trì	H. Phú Lộc	16° 16' 45"	107° 54' 02"					E-48-96-B-d
thôn Bình An 1	DC	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 38"	108° 00' 19"					E-49-85-A-c
thôn Bình An 2	DC	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 45"	108° 00' 10"					E-49-85-A-c
sông Bù Lu	TV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc			16° 16' 52"	107° 56' 26"	16° 19' 11"	107° 58' 29"	E-48-96-B-d
bãi tắm Cảnh Dương	KX	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 56"	107° 59' 30"					E-48-96-B-d
núi Cảnh Dương	SV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 19' 05"	107° 57' 47"					E-48-96-B-d
thôn Cảnh Dương	DC	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 43"	107° 58' 48"					E-48-96-B-d
vụng Chân Mây	TV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 19' 40"	107° 59' 05"					E-48-96-B-d
mũi Chân Mây Đông	SV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 20' 42"	108° 01' 09"					E-49-85-A-c
mũi Chân Mây Tây	SV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 20' 44"	107° 57' 11"					E-48-96-B-d
khu kinh tế Chân Mây/Lăng Cô	KX	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 17' 11"	108° 00' 00"					E-49-85-A-c
núi Cháy Lim	SV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 48"	107° 56' 48"					E-48-96-B-d
cửa Chu Mới	TV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 19' 41"	108° 01' 13"					E-49-85-A-c
thôn Cổ Dù	DC	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 19' 24"	107° 57' 33"					E-48-96-B-d
Đồn Biên phòng Cửa khẩu Chân Mây	KX	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 53"	107° 58' 39"					E-48-96-B-d
cầu Đá Kẹp	KX	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 06"	108° 01' 28"					E-49-85-A-c
núi Đá Kẹp	SV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 17' 35"	108° 01' 49"					E-49-85-A-c
thôn Đông An	DC	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 30"	108° 00' 26"					E-49-85-A-c
Núi Giòn	SV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 19' 49"	108° 01' 46"					E-49-85-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Hà Dân	SV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 59"	107° 57' 40"					E-48-96-B-d
Cửa Kiểng	TV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 19' 13"	107° 58' 29"					E-48-96-B-d
xóm Kinh Tế Mới	DC	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 26"	107° 57' 39"					E-48-96-B-d
sông Lạch Giang	TV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc			16° 18' 59"	108° 01' 03"	16° 19' 38"	108° 01' 26"	E-49-85-A-c
khu du lịch Laguna	KX	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 19' 28"	107° 57' 32"					E-48-96-B-d
khe Mụ Hai	TV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc			16° 17' 59"	107° 58' 55"	16° 18' 21"	107° 58' 34"	E-48-96-B-d
xóm Mỹ An	DC	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 59"	108° 00' 52"					E-49-85-A-c
suối Mỹ Gia	TV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc			16° 16' 34"	108° 01' 19"	16° 18' 59"	108° 01' 03"	E-49-85-A-c
cầu Mỹ Vân	KX	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 22"	108° 01' 12"					E-49-85-A-c
Khe Ngâm	TV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc			16° 19' 12"	107° 56' 56"	16° 19' 13"	107° 58' 20"	E-48-96-B-d
thôn Phú Hải 1	DC	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 16"	108° 00' 47"					E-49-85-A-c
thôn Phú Hải 2	DC	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 18' 01"	108° 01' 45"					E-49-85-A-c
núi Vĩnh Phong	SV	xã Lộc Vĩnh	H. Phú Lộc	16° 19' 48"	107° 56' 28"					E-48-96-B-d
quốc lộ 49B	KX	xã Vinh Giang	H. Phú Lộc			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
Xóm Bắc	DC	xã Vinh Giang	H. Phú Lộc	16° 22' 14"	107° 51' 29"					E-48-96-B-c
đầm Cầu Hai	TV	xã Vinh Giang	H. Phú Lộc	16° 19' 11"	107° 51' 02"					E-48-96-B-c, E-48-96-B-d
thôn Đơn Chế	DC	xã Vinh Giang	H. Phú Lộc	16° 22' 31"	107° 51' 24"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Nam Trường	DC	xã Vinh Giang	H. Phú Lộc	16° 21' 21"	107° 52' 48"					E-48-96-B-d
thôn Nghi Giang	DC	xã Vinh Giang	H. Phú Lộc	16° 21' 54"	107° 51' 51"					E-48-96-B-c
thôn Nghi Xuân	DC	xã Vinh Giang	H. Phú Lộc	16° 21' 35"	107° 51' 50"					E-48-96-B-c
Xóm Tây	DC	xã Vinh Giang	H. Phú Lộc	16° 22' 19"	107° 51' 06"					E-48-96-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 1	DC	xã Vinh Hải	H. Phú Lộc	16° 21' 29"	107° 53' 16"					E-48-96-B-d
thôn 2	DC	xã Vinh Hải	H. Phú Lộc	16° 22' 15"	107° 53' 09"					E-48-96-B-d
thôn 3	DC	xã Vinh Hải	H. Phú Lộc	16° 22' 40"	107° 52' 40"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn 4	DC	xã Vinh Hải	H. Phú Lộc	16° 23' 16"	107° 52' 05"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
quốc lộ 49B	KX	xã Vinh Hiền	H. Phú Lộc			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-96-B-d
đầm Cầu Hai	TV	xã Vinh Hiền	H. Phú Lộc	16° 19' 11"	107° 51' 02"					E-48-96-B-d
thôn Đông Dương	DC	xã Vinh Hiền	H. Phú Lộc	16° 21' 47"	107° 53' 45"					E-48-96-B-d
thôn Hiền An 1	DC	xã Vinh Hiền	H. Phú Lộc	16° 21' 03"	107° 54' 24"					E-48-96-B-d
thôn Hiền An 2	DC	xã Vinh Hiền	H. Phú Lộc	16° 21' 33"	107° 54' 45"					E-48-96-B-d
thôn Hiền Hòa	DC	xã Vinh Hiền	H. Phú Lộc	16° 21' 23"	107° 53' 48"					E-48-96-B-d
thôn Hiền Vân 1	DC	xã Vinh Hiền	H. Phú Lộc	16° 20' 58"	107° 53' 13"					E-48-96-B-d
thôn Hiền Vân 2	DC	xã Vinh Hiền	H. Phú Lộc	16° 21' 04"	107° 53' 22"					E-48-96-B-d
núi Linh Thái	SV	xã Vinh Hiền	H. Phú Lộc	16° 21' 42"	107° 54' 14"					E-48-96-B-d
thôn Tân Vinh	DC	xã Vinh Hiền	H. Phú Lộc	16° 20' 48"	107° 53' 39"					E-48-96-B-d
cửa Tư Hiền	TV	xã Vinh Hiền	H. Phú Lộc	16° 21' 30"	107° 55' 08"					E-48-96-B-d
núi Túy Vân	SV	xã Vinh Hiền	H. Phú Lộc	16° 20' 45"	107° 53' 20"					E-48-96-B-d
Đồn Biên phòng Vinh Hiền	KX	xã Vinh Hiền	H. Phú Lộc	16° 21' 07"	107° 54' 25"					E-48-96-B-d
quốc lộ 49B	KX	xã Vinh Hưng	H. Phú Lộc			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
đầm Cầu Hai	TV	xã Vinh Hưng	H. Phú Lộc	16° 19' 11"	107° 51' 02"					E-48-96-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Diêm Trường	DC	xã Vinh Hưng	H. Phú Lộc	16° 23' 49"	107° 49' 10"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Lương Viện	DC	xã Vinh Hưng	H. Phú Lộc	16° 24' 16"	107° 49' 42"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Phụng Chánh	DC	xã Vinh Hưng	H. Phú Lộc	16° 22' 35"	107° 50' 37"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
Cồn Trại	TV	xã Vinh Hưng	H. Phú Lộc	16° 21' 52"	107° 50' 08"					E-48-96-B-c
thôn Trung Hưng	DC	xã Vinh Hưng	H. Phú Lộc	16° 22' 23"	107° 50' 09"					E-48-96-B-c
thôn 1	DC	xã Vinh Mỹ	H. Phú Lộc	16° 24' 03"	107° 50' 37"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn 2	DC	xã Vinh Mỹ	H. Phú Lộc	16° 23' 44"	107° 50' 45"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn 3	DC	xã Vinh Mỹ	H. Phú Lộc	16° 23' 31"	107° 51' 10"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn 4	DC	xã Vinh Mỹ	H. Phú Lộc	16° 23' 03"	107° 51' 31"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn 5	DC	xã Vinh Mỹ	H. Phú Lộc	16° 23' 03"	107° 50' 52"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
quốc lộ 49B	KX	xã Vinh Mỹ	H. Phú Lộc			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
khe Dọc Làng	TV	xã Vinh Mỹ	H. Phú Lộc			16° 24' 05"	107° 50' 44"	16° 23' 31"	107° 50' 17"	E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn 1	DC	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc	16° 16' 52"	107° 42' 16"					E-48-96-A-d
thôn 2	DC	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc	16° 15' 49"	107° 42' 51"					E-48-96-A-d
thôn 3	DC	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc	16° 15' 47"	107° 42' 08"					E-48-96-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 4	DC	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc	16° 15' 20"	107° 41' 57"					E-48-96-A-d
thôn 5	DC	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc	16° 15' 10"	107° 41' 45"					E-48-96-A-d
thôn 6	DC	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc	16° 15' 07"	107° 41' 21"					E-48-96-A-d
đường tỉnh 14B	KX	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc			16° 20' 11"	107° 44' 40"	16° 07' 29"	107° 37' 38"	E-48-96-A-d, E-48-96-C
khe Bến Tàu	TV	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc			16° 14' 33"	107° 44' 21"	16° 15' 56"	107° 42' 13"	E-48-96-A-d
cầu Khe Lốt	KX	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc	16° 16' 49"	107° 42' 36"					E-48-96-A-d
cầu Khe Sến	KX	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc	16° 15' 60"	107° 42' 08"					E-48-96-A-d
Khe Lốt	TV	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc			16° 15' 49"	107° 44' 02"	16° 17' 01"	107° 42' 00"	E-48-96-A-d
Sông Nông	TV	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc			16° 15' 25"	107° 40' 57"	16° 22' 08"	107° 45' 17"	E-48-96-A-d
bản Phúc Lộc	DC	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc	16° 15' 27"	107° 39' 40"					E-48-96-A-d
Khe Ruộng	TV	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc			16° 16' 44"	107° 40' 02"	16° 17' 54"	107° 37' 55"	E-48-96-A-d
sông Tả Trạch	TV	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc			16° 08' 03"	107° 45' 10"	16° 23' 26"	107° 34' 28"	E-48-96-A-d, E-48-96-C
khe Xương Hòm	TV	xã Xuân Lộc	H. Phú Lộc			16° 15' 56"	107° 39' 45"	16° 15' 37"	107° 39' 15"	E-48-96-A-d
đường tỉnh 10A	KX	TT. Phú Đa	H. Phú Vang			16° 25' 23"	107° 39' 31"	16° 29' 42"	107° 35' 42"	E-48-96-A-b
đường tỉnh 10B	KX	TT. Phú Đa	H. Phú Vang			16° 26' 50"	107° 42' 21"	16° 26' 32"	107° 45' 25"	E-48-96-A-b, E-48-96-B-a E-48-96-B-b
đường tỉnh 10C	KX	TT. Phú Đa	H. Phú Vang			16° 26' 06"	107° 42' 25"	16° 21' 41"	107° 49' 47"	E-48-96-A-b, E-48-96-B-a E-48-96-B-b
đường tỉnh 10D	KX	TT. Phú Đa	H. Phú Vang			16° 26' 25"	107° 44' 49"	16° 22' 28"	107° 49' 08"	E-48-96-B-a, E-48-96-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đại Giang	TV	TT. Phú Đa	H. Phú Vang			16° 26' 39"	107° 39' 54"	16° 21' 40"	107° 46' 26"	E-48-96-A-b
tổ dân phố Đức Thái	DC	TT. Phú Đa	H. Phú Vang	16° 26' 10"	107° 44' 45"					E-48-96-A-b
chùa Hòa Đông	KX	TT. Phú Đa	H. Phú Vang	16° 25' 39"	107° 43' 19"					E-48-96-A-b
tổ dân phố Hòa Đông	DC	TT. Phú Đa	H. Phú Vang	16° 25' 47"	107° 43' 18"					E-48-96-A-b
tổ dân phố Hòa Tây	DC	TT. Phú Đa	H. Phú Vang	16° 26' 22"	107° 42' 41					E-48-96-A-b
tổ dân phố Lương Viện	DC	TT. Phú Đa	H. Phú Vang	16° 27' 42"	107° 43' 37"					E-48-96-A-b
tổ dân phố Nam Châu	DC	TT. Phú Đa	H. Phú Vang	16° 26' 25"	107° 43' 25"					E-48-96-A-b
cầu Phú Thứ	KX	TT. Phú Đa	H. Phú Vang	16° 26' 03"	107° 42' 23"					E-48-96-A-b
sông Phú Thứ	TV	TT. Phú Đa	H. Phú Vang			16° 26' 41"	107° 42' 13"	16° 26' 11"	107° 42' 16"	E-48-96-A-b
tổ dân phố Thanh Lam	DC	TT. Phú Đa	H. Phú Vang	16° 25' 58"	107° 44' 02"					E-48-96-A-b
sông Thiệu Hóa	TV	TT. Phú Đa	H. Phú Vang			16° 24' 35"	107° 44' 25"	16° 22' 00"	107° 45' 58"	E-48-96-A-b
tổ dân phố Thủy Định	DC	TT. Phú Đa	H. Phú Vang	16° 27' 14"	107° 44' 21"					E-48-96-A-b
đầm Thủy Tú	TV	TT. Phú Đa	H. Phú Vang	16° 27' 02"	107° 45' 23"					E-48-96-A-b, E-48-96-B-a
tổ dân phố Trường Lưu	DC	TT. Phú Đa	H. Phú Vang	16° 25' 27"	107° 45' 03"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
bến đò Viễn Trình	KX	TT. Phú Đa	H. Phú Vang	16° 26' 39"	107° 45' 38"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
tổ dân phố Viễn Trình	DC	TT. Phú Đa	H. Phú Vang	16° 26' 28"	107° 45' 17"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
đường tỉnh 2	KX	TT. Thuận An	H. Phú Vang			16° 32' 08"	107° 37' 42"	16° 33' 30"	107° 38' 51"	E-48-84-C-d, E-48-84-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đồn Biên phòng 220	KX	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 33' 26"	107° 39' 07"					E-48-84-C-d
quốc lộ 49A	KX	TT. Thuận An	H. Phú Vang			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-84-C-d, E-48-84-C-c
quốc lộ 49B	KX	TT. Thuận An	H. Phú Vang			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-84-C-d, E-48-84-C-c
thôn An Hải	DC	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 33' 41"	107° 38' 42"					E-48-84-C-d
cầu Diên Trường	KX	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 32' 06"	107° 37' 38"					E-48-84-C-d
thôn Diên Trường	DC	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 32' 22"	107° 37' 37"					E-48-84-C-d
thôn Hải Bình	DC	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 33' 43"	107° 38' 28"					E-48-84-C-d
thôn Hải Thành	DC	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 33' 16"	107° 39' 12"					E-48-84-C-d
thôn Hải Tiến	DC	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 33' 52"	107° 38' 22"					E-48-84-C-d
đập Hòa Duân	KX	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 33' 15"	107° 39' 31"					E-48-84-C-d
cồn Hợp Châu	TV	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 32' 38"	107° 38' 55"					E-48-84-C-d
Sông Hương	TV	TT. Thuận An	H. Phú Vang			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-84-C-c, E-48-84-C-d
cầu Lạc Chéo	KX	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 32' 09"	107° 37' 39"					E-48-84-C-d
thôn Minh Hải	DC	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 33' 23"	107° 38' 57"					E-48-84-C-d
sông Phổ Lợi	TV	TT. Thuận An	H. Phú Vang			16° 30' 40"	107° 35' 34"	16° 31' 40"	107° 38' 21"	E-48-84-C-d
khu du lịch sinh thái Tam Giang	KX	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 32' 55"	107° 38' 34"					E-48-84-C-d
phá Tam Giang	TV	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 36' 49"	107° 30' 50"					E-48-84-C-d
thôn Tân An	DC	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 32' 27"	107° 37' 50"					E-48-84-C-d
thôn Tân Bình	DC	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 32' 54"	107° 38' 03"					E-48-84-C-d
thôn Tân Dương	DC	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 32' 21"	107° 38' 08"					E-48-84-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Lập	DC	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 33' 03"	107° 38' 15"					E-48-84-C-d
thôn Tân Mỹ	DC	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 32' 50"	107° 37' 52"					E-48-84-C-d
đầm Thanh Lam	TV	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 31' 48"	107° 39' 13"					E-48-84-C-d
bãi tắm Thuận An	KX	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 33' 47"	107° 38' 49"					E-48-84-C-d
cảng Thuận An	TV	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 33' 17"	107° 38' 26"					E-48-84-C-d
cầu Thuận An	KX	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 33' 18"	107° 38' 41"					E-48-84-C-d
cửa Thuận An	TV	TT. Thuận An	H. Phú Vang	16° 34' 25"	107° 37' 10"					E-48-84-C-d
quốc lộ 49A	KX	xã Phú An	H. Phú Vang			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-84-C-d, E-48-84-C-c
thôn An Truyền	DC	xã Phú An	H. Phú Vang	16° 30' 32"	107° 38' 02"					E-48-84-C-d
sông Phổ Lợi	TV	xã Phú An	H. Phú Vang			16° 30' 40"	107° 35' 34"	16° 31' 40"	107° 38' 21"	E-48-84-C-d
Đầm Sam	TV	xã Phú An	H. Phú Vang	16° 30' 19"	107° 39' 13"					E-48-84-C-d
đầm Thanh Lam	TV	xã Phú An	H. Phú Vang	16° 31' 48"	107° 39' 13"					E-48-84-C-d
thôn Thủy Diện	DC	xã Phú An	H. Phú Vang	16° 30' 56"	107° 38' 22"					E-48-84-C-d
thôn Triều Thủy	DC	xã Phú An	H. Phú Vang	16° 30' 46"	107° 37' 25"					E-48-84-C-c
thôn Truyền Nam	DC	xã Phú An	H. Phú Vang	16° 30' 22"	107° 37' 41"					E-48-84-C-d
quốc lộ 49B	KX	xã Phú Diên	H. Phú Vang			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-84-C-d, E-48-96-A-b
chùa Diên Lộc	KX	xã Phú Diên	H. Phú Vang	16° 29' 09"	107° 45' 16"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Diên Lộc	DC	xã Phú Diên	H. Phú Vang	16° 29' 13"	107° 45' 23"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Kế Sung Hạ	DC	xã Phú Diên	H. Phú Vang	16° 30' 29"	107° 43' 31"					E-48-84-C-d
thôn Kế Sung Thượng	DC	xã Phú Diên	H. Phú Vang	16° 31' 16"	107° 42' 25"					E-48-84-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Mỹ Khánh	DC	xã Phú Diên	H. Phú Vang	16° 29' 54"	107° 44' 23"					E-48-84-C-d
thôn Phương Diên	DC	xã Phú Diên	H. Phú Vang	16° 29' 35"	107° 44' 53"					E-48-96-A-b
thôn Thanh Dương	DC	xã Phú Diên	H. Phú Vang	16° 29' 21"	107° 44' 51"					E-48-96-A-b
thôn Thanh Mỹ	DC	xã Phú Diên	H. Phú Vang	16° 31' 05"	107° 42' 34"					E-48-84-C-d
đầm Thủy Tú	TV	xã Phú Diên	H. Phú Vang	16° 27' 02"	107° 45' 23"					E-48-84-C-d, E-48-96-A-b
đường tỉnh 2	KX	xã Phú Dương	H. Phú Vang			16° 32' 08"	107° 37' 42"	16° 33' 30"	107° 38' 51"	E-48-84-C-c
quốc lộ 49A	KX	xã Phú Dương	H. Phú Vang			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-84-C-c
Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	xã Phú Dương	H. Phú Vang	16° 30' 51"	107° 36' 04"					E-48-84-C-c
thôn Dương Nổ Cồn	DC	xã Phú Dương	H. Phú Vang	16° 31' 21"	107° 35' 38"					E-48-84-C-c
thôn Dương Nổ Đông	DC	xã Phú Dương	H. Phú Vang	16° 30' 56"	107° 35' 59"					E-48-84-C-c
thôn Dương Nổ Nam	DC	xã Phú Dương	H. Phú Vang	16° 30' 49"	107° 36' 15"					E-48-84-C-c
thôn Dương Nổ Tây	DC	xã Phú Dương	H. Phú Vang	16° 30' 50"	107° 35' 45"					E-48-84-C-c
cầu Lưu Khánh	KX	xã Phú Dương	H. Phú Vang	16° 30' 54"	107° 36' 21"					E-48-84-C-c
thôn Lưu Khánh	DC	xã Phú Dương	H. Phú Vang	16° 30' 56"	107° 36' 27"					E-48-84-C-c
cầu Mậu Tài	KX	xã Phú Dương	H. Phú Vang	16° 30' 51"	107° 35' 21"					E-48-84-C-c
thôn Mỹ An	DC	xã Phú Dương	H. Phú Vang	16° 31' 36"	107° 36' 48"					E-48-84-C-c
thôn Phò An	DC	xã Phú Dương	H. Phú Vang	16° 30' 59"	107° 36' 22"					E-48-84-C-c
sông Phổ Lợi	TV	xã Phú Dương	H. Phú Vang			16° 30' 40"	107° 35' 34"	16° 31' 40"	107° 38' 21"	E-48-84-C-c
thôn Phú Khê	DC	xã Phú Dương	H. Phú Vang	16° 30' 27"	107° 35' 59"					E-48-84-C-c
thôn Thạch Căn	DC	xã Phú Dương	H. Phú Vang	16° 30' 46"	107° 35' 27"					E-48-84-C-c
quốc lộ 49B	KX	xã Phú Hải	H. Phú Vang			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-84-C-d
thôn Cự Lại Bắc	DC	xã Phú Hải	H. Phú Vang	16° 31' 57"	107° 41' 25"					E-48-84-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cự Lại Đông	DC	xã Phú Hải	H. Phú Vang	16° 31' 38"	107° 42' 02"					E-48-84-C-d
thôn Cự Lại Nam	DC	xã Phú Hải	H. Phú Vang	16° 31' 28"	107° 42' 10"					E-48-84-C-d
thôn Cự Lại Trung	DC	xã Phú Hải	H. Phú Vang	16° 31' 40"	107° 41' 41"					E-48-84-C-d
đầm Thủy Tú	TV	xã Phú Hải	H. Phú Vang	16° 27' 02"	107° 45' 23"					E-48-84-C-d, E-48-96-A-b
đường tỉnh 3	KX	xã Phú Hồ	H. Phú Vang			16° 25' 39"	107° 39' 00"	16° 28' 55"	107° 40' 45"	E-48-96-A-b
đường tỉnh 10A	KX	xã Phú Hồ	H. Phú Vang			16° 25' 23"	107° 39' 31"	16° 29' 42"	107° 35' 42"	E-48-96-A-b
thôn Đồng Di Đông	DC	xã Phú Hồ	H. Phú Vang	16° 28' 21"	107° 39' 38"					E-48-96-A-b
thôn Đồng Di Tây	DC	xã Phú Hồ	H. Phú Vang	16° 27' 53"	107° 38' 57"					E-48-96-A-b
thôn Đông Đỗ	DC	xã Phú Hồ	H. Phú Vang	16° 28' 24"	107° 40' 31"					E-48-96-A-b
thôn Nam Dương	DC	xã Phú Hồ	H. Phú Vang	16° 27' 15"	107° 39' 27"					E-48-96-A-b
sông Như Ý	TV	xã Phú Hồ	H. Phú Vang			16° 28' 28"	107° 35' 34"	16° 26' 39"	107° 39' 54"	E-48-96-A-b
thôn Sư Lỗ Đông	DC	xã Phú Hồ	H. Phú Vang	16° 28' 48"	107° 39' 10"					E-48-96-A-b
thôn Sư Lỗ Thượng	DC	xã Phú Hồ	H. Phú Vang	16° 28' 36"	107° 38' 32"					E-48-96-A-b
thôn Trung An	DC	xã Phú Hồ	H. Phú Vang	16° 28' 10"	107° 39' 59"					E-48-96-A-b
thôn Trung Chánh	DC	xã Phú Hồ	H. Phú Vang	16° 27' 28"	107° 39' 19"					E-48-96-A-b
đường tỉnh 10A	KX	xã Phú Lương	H. Phú Vang			16° 25' 23"	107° 39' 31"	16° 29' 42"	107° 35' 42"	E-48-96-A-b
sông Đại Giang	TV	xã Phú Lương	H. Phú Vang			16° 26' 39"	107° 39' 54"	16° 21' 40"	107° 46' 26"	E-48-96-A-b
thôn Giang Đông A	DC	xã Phú Lương	H. Phú Vang	16° 27' 12"	107° 40' 53"					E-48-96-A-b
thôn Giang Đông B	DC	xã Phú Lương	H. Phú Vang	16° 28' 21"	107° 41' 57"					E-48-96-A-b
thôn Giang Tây	DC	xã Phú Lương	H. Phú Vang	16° 26' 49"	107° 40' 20"					E-48-96-A-b
thôn Giang Trung	DC	xã Phú Lương	H. Phú Vang	16° 26' 53"	107° 40' 50"					E-48-96-A-b
thôn Khê Xá	DC	xã Phú Lương	H. Phú Vang	16° 26' 28"	107° 41' 28"					E-48-96-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lê Xá Đông	DC	xã Phú Lương	H. Phú Vang	16° 28' 34"	107° 41' 34"					E-48-96-A-b
thôn Lê Xá Tây	DC	xã Phú Lương	H. Phú Vang	16° 26' 46"	107° 39' 48"					E-48-96-A-b
thôn Lê Xá Trung	DC	xã Phú Lương	H. Phú Vang	16° 27' 38"	107° 40' 38"					E-48-96-A-b
thôn Lương Lộc	DC	xã Phú Lương	H. Phú Vang	16° 26' 10"	107° 40' 57"					E-48-96-A-b
thôn Vĩnh Lưu	DC	xã Phú Lương	H. Phú Vang	16° 27' 42"	107° 42' 16"					E-48-96-A-b
đường tỉnh 2	KX	xã Phú Mậu	H. Phú Vang			16° 32' 08"	107° 37' 42"	16° 33' 30"	107° 38' 51"	E-48-84-C-c
bến đò Bao Vinh	KX	xã Phú Mậu	H. Phú Vang	16° 29' 55"	107° 34' 30"					E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	xã Phú Mậu	H. Phú Vang			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-84-C-c, E-48-96-A-a
đập La Ỷ	KX	xã Phú Mậu	H. Phú Vang	16° 30' 11"	107° 35' 12"					E-48-84-C-c
thôn Lại Ân	DC	xã Phú Mậu	H. Phú Vang	16° 31' 31"	107° 34' 29"					E-48-84-C-c
thôn Lại Tân	DC	xã Phú Mậu	H. Phú Vang	16° 31' 42"	107° 34' 34"					E-48-84-C-c
cầu Mậu Tài	KX	xã Phú Mậu	H. Phú Vang	16° 30' 51"	107° 35' 21"					E-48-84-C-c
thôn Mậu Tài	DC	xã Phú Mậu	H. Phú Vang	16° 30' 55"	107° 34' 60"					E-48-84-C-c
khu Mậu Tài Đuổi	DC	xã Phú Mậu	H. Phú Vang	16° 31' 05"	107° 35' 24"					E-48-84-C-c
xóm Tân Lập	DC	xã Phú Mậu	H. Phú Vang	16° 31' 10"	107° 35' 05"					E-48-84-C-c
thôn Thanh Tiên	DC	xã Phú Mậu	H. Phú Vang	16° 30' 38"	107° 34' 43"					E-48-84-C-c
thôn Thế Vinh	DC	xã Phú Mậu	H. Phú Vang	16° 30' 24"	107° 34' 41"					E-48-84-C-c
thôn Tiên Nộn	DC	xã Phú Mậu	H. Phú Vang	16° 29' 58"	107° 34' 40"					E-48-96-A-a
thôn Triêm Ân	DC	xã Phú Mậu	H. Phú Vang	16° 31' 11"	107° 34' 35"					E-48-84-C-c
thôn Vọng Trì	DC	xã Phú Mậu	H. Phú Vang	16° 30' 36"	107° 35' 25"					E-48-84-C-c
đường tỉnh 10A	KX	xã Phú Mỹ	H. Phú Vang			16° 25' 23"	107° 39' 31"	16° 29' 42"	107° 35' 42"	E-48-96-A-a, E-48-96-A-b
thôn An Lưu	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Vang	16° 29' 23"	107° 38' 12"					E-48-96-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Định Cư	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Vang	16° 29' 34"	107° 39' 10"					E-48-96-A-b
thôn Dưỡng Mong	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Vang	16° 29' 38"	107° 37' 05"					E-48-96-A-a
thôn Mong An	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Vang	16° 30' 19"	107° 37' 12"					E-48-84-C-c
thôn Mỹ Lam	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Vang	16° 29' 06"	107° 38' 41"					E-48-96-A-b
sông Như Ý	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Vang			16° 28' 28"	107° 35' 34"	16° 26' 39"	107° 39' 54"	E-48-96-A-b, E-48-96-A-a
thôn Phước Linh	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Vang	16° 29' 42"	107° 37' 43"					E-48-96-A-a
Đầm Sam	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Vang	16° 30' 19"	107° 39' 13"					E-48-84-C-d, E-48-96-A-b
thôn Vinh Vệ	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Vang	16° 29' 40"	107° 37' 25"					E-48-96-A-a
đường tỉnh 2	KX	xã Phú Thanh	H. Phú Vang			16° 32' 08"	107° 37' 42"	16° 33' 30"	107° 38' 51"	E-48-84-C-c
thôn Hải Trình	DC	xã Phú Thanh	H. Phú Vang	16° 32' 27"	107° 36' 24"					E-48-84-C-c
thôn Hòa An	DC	xã Phú Thanh	H. Phú Vang	16° 32' 40"	107° 35' 28"					E-48-84-C-c
Sông Hương	TV	xã Phú Thanh	H. Phú Vang			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-84-C-c
thôn Lại Lộc	DC	xã Phú Thanh	H. Phú Vang	16° 31' 49"	107° 34' 45"					E-48-84-C-c
Đầm Nậy	TV	xã Phú Thanh	H. Phú Vang	16° 32' 23"	107° 36' 18"					E-48-84-C-c
sông Phổ Lợi	TV	xã Phú Thanh	H. Phú Vang			16° 30' 40"	107° 35' 34"	16° 31' 40"	107° 38' 21"	E-48-84-C-c
thôn Quy Lai	DC	xã Phú Thanh	H. Phú Vang	16° 32' 53"	107° 35' 48"					E-48-84-C-c
Cầu Su	KX	xã Phú Thanh	H. Phú Vang	16° 32' 08"	107° 37' 20"					E-48-84-C-c
thôn Thanh Đàm	DC	xã Phú Thanh	H. Phú Vang	16° 32' 17"	107° 35' 47"					E-48-84-C-c
đập Thảo Long	KX	xã Phú Thanh	H. Phú Vang	16° 32' 47"	107° 36' 54"					E-48-84-C-c
cầu Xóm Lát	KX	xã Phú Thanh	H. Phú Vang	16° 32' 15"	107° 36' 55"					E-48-84-C-c
quốc lộ 49B	KX	xã Phú Thuận	H. Phú Vang			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-84-C-d
thôn An Dương	DC	xã Phú Thuận	H. Phú Vang	16° 32' 20"	107° 41' 01"					E-48-84-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đập Hòa Duân	KX	xã Phú Thuận	H. Phú Vang	16° 33' 15"	107° 39' 31"					E-48-84-C-d
thôn Hòa Duân	DC	xã Phú Thuận	H. Phú Vang	16° 32' 51"	107° 40' 04"					E-48-84-C-d
Cồn Sơn	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Vang	16° 32' 45"	107° 39' 39"					E-48-84-C-d
đầm Thanh Lam	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Vang	16° 31' 48"	107° 39' 13"					E-48-84-C-d
đường tỉnh 10A	KX	xã Phú Thượng	H. Phú Vang			16° 25' 23"	107° 39' 31"	16° 29' 42"	107° 35' 42"	E-48-96-A-a
quốc lộ 49A	KX	xã Phú Thượng	H. Phú Vang			16° 33' 26"	107° 39' 05"	16° 18' 51"	107° 05' 13"	E-48-96-A-a
Nhà máy Bia Huế	KX	xã Phú Thượng	H. Phú Vang	16° 29' 42"	107° 35' 31"					E-48-96-A-a
thôn Chiết Bi	DC	xã Phú Thượng	H. Phú Vang	16° 29' 33"	107° 36' 41"					E-48-96-A-a
Sông Hương	TV	xã Phú Thượng	H. Phú Vang			16° 23' 26"	107° 34' 28"	16° 32' 58"	107° 37' 34"	E-48-84-C-c, E-48-96-A-a
đập La Ỷ	KX	xã Phú Thượng	H. Phú Vang	16° 30' 11"	107° 35' 12"					E-48-84-C-c
thôn La Ỷ	DC	xã Phú Thượng	H. Phú Vang	16° 29' 55"	107° 35' 26"					E-48-96-A-a
thôn Lại Thế	DC	xã Phú Thượng	H. Phú Vang	16° 29' 34"	107° 35' 49"					E-48-96-A-a
thôn Nam Thượng	DC	xã Phú Thượng	H. Phú Vang	16° 30' 06"	107° 35' 53"					E-48-84-C-c
thôn Ngọc Anh	DC	xã Phú Thượng	H. Phú Vang	16° 29' 22"	107° 36' 18"					E-48-96-A-a
đường Nguyễn Sinh Cung	KX	xã Phú Thượng	H. Phú Vang			16° 28' 32"	107° 35' 36"	16° 29' 39"	107° 35' 32"	E-48-96-A-a
sông Như Ý	TV	xã Phú Thượng	H. Phú Vang			16° 28' 28"	107° 35' 34"	16° 26' 39"	107° 39' 54"	E-48-96-A-a
cầu Phú Thượng	KX	xã Phú Thượng	H. Phú Vang	16° 29' 57"	107° 35' 52"					E-48-96-A-a
thôn Tây Thượng	DC	xã Phú Thượng	H. Phú Vang	16° 29' 21"	107° 35' 49"					E-48-96-A-a
thôn Tây Trì Nhơn	DC	xã Phú Thượng	H. Phú Vang	16° 30' 06"	107° 35' 35"					E-48-84-C-c
thôn Trung Đông	DC	xã Phú Thượng	H. Phú Vang	16° 30' 23"	107° 36' 01"					E-48-84-C-c
đường tỉnh 3	KX	xã Phú Xuân	H. Phú Vang			16° 25' 39"	107° 39' 00"	16° 28' 55"	107° 40' 45"	E-48-96-A-b
đường tỉnh 10A	KX	xã Phú Xuân	H. Phú Vang			16° 25' 23"	107° 39' 31"	16° 29' 37"	107° 36' 02"	E-48-96-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Hạ	DC	xã Phú Xuân	H. Phú Vang	16° 29' 57"	107° 40' 08"					E-48-96-A-b
thôn Ba Lăng	DC	xã Phú Xuân	H. Phú Vang	16° 27' 58"	107° 43' 17"					E-48-96-A-b
chợ Diên Đại	KX	xã Phú Xuân	H. Phú Vang	16° 29' 16"	107° 40' 01"					E-48-96-A-b
thôn Diên Đại	DC	xã Phú Xuân	H. Phú Vang	16° 29' 39"	107° 39' 59"					E-48-96-A-b
thôn Lê Bình	DC	xã Phú Xuân	H. Phú Vang	16° 29' 31"	107° 42' 06"					E-48-96-A-b
thôn Lộc Sơn	DC	xã Phú Xuân	H. Phú Vang	16° 28' 55"	107° 41' 01"					E-48-96-A-b
chợ Quảng Xuyên	KX	xã Phú Xuân	H. Phú Vang	16° 29' 33"	107° 42' 08"					E-48-96-A-b
thôn Quảng Xuyên	DC	xã Phú Xuân	H. Phú Vang	16° 29' 20"	107° 41' 58"					E-48-96-A-b
Đầm Sam	TV	xã Phú Xuân	H. Phú Vang	16° 30' 19"	107° 39' 13"					E-48-84-C-d
thôn Thủy Diện	DC	xã Phú Xuân	H. Phú Vang	16° 30' 30"	107° 40' 04"					E-48-84-C-d
đầm Thủy Tú	TV	xã Phú Xuân	H. Phú Vang	16° 27' 02"	107° 45' 23"					E-48-84-C-d
Trường Trung học cơ sở Phú Thượng	KX	xã Phú Xuân	H. Phú Vang	16° 29' 34"	107° 36' 07"					E-48-96-A-b
thôn Xuân Ổ	DC	xã Phú Xuân	H. Phú Vang	16° 30' 16"	107° 40' 34"					E-48-84-C-d
quốc lộ 49B	KX	xã Vinh An	H. Phú Vang			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
chùa An Bằng	KX	xã Vinh An	H. Phú Vang	16° 25' 05"	107° 49' 19"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn An Bằng	DC	xã Vinh An	H. Phú Vang	16° 25' 12"	107° 49' 02"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Hà Úc	DC	xã Vinh An	H. Phú Vang	16° 24' 44"	107° 48' 15"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
đầm Thủy Tú	TV	xã Vinh An	H. Phú Vang	16° 27' 02"	107° 45' 23"					E-48-96-B-c, E-48-96-B-a E-48-96-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phường 1	DC	xã Vinh Hà	H. Phú Vang	16° 21' 58"	107° 49' 24"					E-48-96-B-c
phường 2	DC	xã Vinh Hà	H. Phú Vang	16° 23' 35"	107° 47' 14"					E-48-96-B-a
phường 3	DC	xã Vinh Hà	H. Phú Vang	16° 22' 42"	107° 49' 03"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
phường 4	DC	xã Vinh Hà	H. Phú Vang	16° 23' 13"	107° 47' 48"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
phường 5	DC	xã Vinh Hà	H. Phú Vang	16° 22' 41"	107° 48' 17"					E-48-96-B-c
đường tỉnh 10C	KX	xã Vinh Hà	H. Phú Vang			16° 26' 06"	107° 42' 25"	16° 21' 41"	107° 49' 47"	E-48-96-B-a, E-48-96-B-b, E-48-96-B-c
đường tỉnh 10D	KX	xã Vinh Hà	H. Phú Vang			16° 26' 25"	107° 44' 49"	16° 22' 28"	107° 49' 08"	E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
sông Đại Giang	TV	xã Vinh Hà	H. Phú Vang			16° 26' 39"	107° 39' 54"	16° 21' 40"	107° 46' 26"	E-48-96-B-c
Cồn Giá	TV	xã Vinh Hà	H. Phú Vang	16° 20' 44"	107° 50' 08"					E-48-96-B-c
thôn Hà Giang	DC	xã Vinh Hà	H. Phú Vang	16° 21' 32"	107° 49' 48"					E-48-96-B-c
bầu Hà Mướp	TV	xã Vinh Hà	H. Phú Vang	16° 21' 43"	107° 49' 20"					E-48-96-B-c
kinh Hà Mướp	TV	xã Vinh Hà	H. Phú Vang			16° 22' 14"	107° 49' 35"	16° 21' 31"	107° 49' 17"	E-48-96-B-c
đầm Hà Trung	TV	xã Vinh Hà	H. Phú Vang	16° 21' 16"	107° 48' 29"					E-48-96-B-c
Cống Quan	KX	xã Vinh Hà	H. Phú Vang	16° 21' 40"	107° 46' 26"					E-48-96-B-c
sông Thiệu Hóa	TV	xã Vinh Hà	H. Phú Vang			16° 24' 35"	107° 44' 25"	16° 22' 00"	107° 45' 58"	E-48-96-B-c, E-48-96-B-a E-48-96-B-b
đập Thượng Nguyên	KX	xã Vinh Hà	H. Phú Vang	16° 22' 14"	107° 46' 24"					E-48-96-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đầm Thủy Tú	TV	xã Vinh Hà	H. Phú Vang	16° 27' 02"	107° 45' 23"					E-48-96-B-c, E-48-96-B-a E-48-96-B-b
đường tỉnh 10D	KX	xã Vinh Phú	H. Phú Vang			16° 26' 25"	107° 44' 49"	16° 22' 28"	107° 49' 08"	E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Điền Trung	DC	xã Vinh Phú	H. Phú Vang	16° 24' 18"	107° 47' 17"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Hà Bắc	DC	xã Vinh Phú	H. Phú Vang	16° 24' 33"	107° 46' 58"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Mộc Trụ	DC	xã Vinh Phú	H. Phú Vang	16° 25' 33"	107° 45' 56"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Nghĩa Lập	DC	xã Vinh Phú	H. Phú Vang	16° 23' 39"	107° 47' 51"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
đầm Thủy Tú	TV	xã Vinh Phú	H. Phú Vang	16° 27' 02"	107° 45' 23"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Triêm Ân	DC	xã Vinh Phú	H. Phú Vang	16° 24' 46"	107° 46' 36"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Trừng Hà	DC	xã Vinh Phú	H. Phú Vang	16° 25' 03"	107° 46' 26"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
cầu Trường Hà	KX	xã Vinh Phú	H. Phú Vang	16° 25' 27"	107° 46' 50"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
đường tỉnh 10C	KX	xã Vinh Thái	H. Phú Vang			16° 26' 06"	107° 42' 25"	16° 21' 41"	107° 49' 47"	E-48-96-A-b, E-48-96-B-a
sông Đại Giang	TV	xã Vinh Thái	H. Phú Vang			16° 26' 39"	107° 39' 54"	16° 21' 40"	107° 46' 26"	E-48-96-A-b, E-48-96-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Diêm Trụ	DC	xã Vinh Thái	H. Phú Vang	16° 24' 47"	107° 45' 15"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Hà Thượng	DC	xã Vinh Thái	H. Phú Vang	16° 23' 44"	107° 46' 42"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Hà Trữ A	DC	xã Vinh Thái	H. Phú Vang	16° 23' 18"	107° 46' 27"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Hà Trữ B	DC	xã Vinh Thái	H. Phú Vang	16° 23' 10"	107° 45' 32"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Kênh Tắc	DC	xã Vinh Thái	H. Phú Vang	16° 23' 45"	107° 44' 19"					E-48-96-A-b
thôn Mong A	DC	xã Vinh Thái	H. Phú Vang	16° 24' 26"	107° 45' 28"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Mong B	DC	xã Vinh Thái	H. Phú Vang	16° 24' 11"	107° 46' 19"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Mong C	DC	xã Vinh Thái	H. Phú Vang	16° 24' 26"	107° 46' 32"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
Hói Tế	TV	xã Vinh Thái	H. Phú Vang			16° 23' 12"	107° 45' 35"	16° 22' 42"	107° 45' 17"	E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Thanh Lam Bồ	DC	xã Vinh Thái	H. Phú Vang	16° 23' 30"	107° 46' 02"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
hói Thanh Niên	TV	xã Vinh Thái	H. Phú Vang			16° 23' 02"	107° 45' 51"	16° 22' 17"	107° 45' 20"	E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
sông Thiệu Hóa	TV	xã Vinh Thái	H. Phú Vang			16° 24' 35"	107° 44' 25"	16° 22' 00"	107° 45' 58"	E-48-96-A-b, E-48-96-B-a E-48-96-B-b
thôn 1	DC	xã Vinh Thanh	H. Phú Vang	16° 26' 25"	107° 46' 45"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 2	DC	xã Vinh Thanh	H. Phú Vang	16° 26' 36"	107° 47' 15"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn 3	DC	xã Vinh Thanh	H. Phú Vang	16° 26' 13"	107° 47' 09"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn 4	DC	xã Vinh Thanh	H. Phú Vang	16° 26' 06"	107° 47' 39"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn 5	DC	xã Vinh Thanh	H. Phú Vang	16° 25' 44"	107° 47' 39"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn 6	DC	xã Vinh Thanh	H. Phú Vang	16° 26' 44"	107° 48' 04"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
quốc lộ 49B	KX	xã Vinh Thanh	H. Phú Vang			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
đầm Thủy Tú	TV	xã Vinh Thanh	H. Phú Vang	16° 27' 02"	107° 45' 23"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
cầu Trường Hà	KX	xã Vinh Thanh	H. Phú Vang	16° 25' 27"	107° 46' 50"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
quốc lộ 49B	KX	xã Vinh Xuân	H. Phú Vang			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-96-A-b, E-48-96-B-a E-48-96-B-b
thôn Kế Võ	DC	xã Vinh Xuân	H. Phú Vang	16° 27' 53"	107° 45' 39"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Khánh Mỹ	DC	xã Vinh Xuân	H. Phú Vang	16° 28' 26"	107° 45' 04"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Mai Vĩnh	DC	xã Vinh Xuân	H. Phú Vang	16° 28' 53"	107° 44' 46"					E-48-96-A-b
thôn Tân Sa	DC	xã Vinh Xuân	H. Phú Vang	16° 28' 16"	107° 45' 21"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đầm Thủy Tú	TV	xã Vinh Xuân	H. Phú Vang	16° 27' 02"	107° 45' 23"					E-48-96-A-b, E-48-96-B-a E-48-96-B-b
Đồn Biên phòng Vinh Xuân	KX	xã Vinh Xuân	H. Phú Vang	16° 28' 06"	107° 45' 39"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Xuân Thiên Hạ	DC	xã Vinh Xuân	H. Phú Vang	16° 26' 53"	107° 46' 14"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
thôn Xuân Thiên Thượng	DC	xã Vinh Xuân	H. Phú Vang	16° 27' 28"	107° 45' 54"					E-48-96-B-a, E-48-96-B-b
đường tỉnh 4	KX	TT. Sịa	H. Quảng Điền			16° 40' 10"	107° 19' 49"	16° 28' 58"	107° 33' 13"	E-48-84-C-c
đường tỉnh 11A	KX	TT. Sịa	H. Quảng Điền			16° 32' 46"	107° 27' 09"	16° 34' 40"	107° 30' 54"	E-48-83-D-d, E-48-84-C-c
thôn An Gia	DC	TT. Sịa	H. Quảng Điền	16° 35' 18"	107° 30' 55"					E-48-84-C-c
cầu Đan Điền	KX	TT. Sịa	H. Quảng Điền	16° 34' 40"	107° 30' 52"					E-48-84-C-c
kênh Diên Hồng	TV	TT. Sịa	H. Quảng Điền			16° 36' 07"	107° 31' 14"	16° 33' 53"	107° 31' 27"	E-48-84-C-c
thôn Giang Đông	DC	TT. Sịa	H. Quảng Điền	16° 35' 35"	107° 30' 24"					E-48-84-C-c
thôn Khuông Phò Nam	DC	TT. Sịa	H. Quảng Điền	16° 34' 42"	107° 30' 35"					E-48-84-C-c
thôn Lương Cổ	DC	TT. Sịa	H. Quảng Điền	16° 34' 34"	107° 29' 57"					E-48-83-D-d
Trạm Biến thế Sịa 35 kV	KX	TT. Sịa	H. Quảng Điền	16° 34' 17"	107° 30' 26"					E-48-84-C-c
phá Tam Giang	TV	TT. Sịa	H. Quảng Điền	16° 36' 49"	107° 30' 50"					E-48-84-C-c
thôn Thạch Bình	DC	TT. Sịa	H. Quảng Điền	16° 35' 07"	107° 30' 48"					E-48-84-C-c
thôn Thủ Lễ Nam	DC	TT. Sịa	H. Quảng Điền	16° 34' 29"	107° 30' 48"					E-48-84-C-c
thôn Tráng Lực	DC	TT. Sịa	H. Quảng Điền	16° 34' 58"	107° 30' 49"					E-48-84-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Uất Mậu	DC	TT. Sịa	H. Quảng Điền	16° 34' 46"	107° 30' 20"					E-48-84-C-c
thôn Vân Căn	DC	TT. Sịa	H. Quảng Điền	16° 34' 17"	107° 30' 05"					E-48-84-C-c
bến đò Vĩnh Tu	KX	TT. Sịa	H. Quảng Điền	16° 36' 55"	107° 30' 54"					E-48-84-C-c
đường tỉnh 4	KX	xã Quảng An	H. Quảng Điền			16° 40' 10"	107° 19' 49"	16° 28' 58"	107° 33' 13"	E-48-84-C-c
chùa An Xuân	KX	xã Quảng An	H. Quảng Điền	16° 33' 48"	107° 33' 12"					E-48-84-C-c
thôn An Xuân	DC	xã Quảng An	H. Quảng Điền	16° 33' 51"	107° 33' 08"					E-48-84-C-c
Sông Bồ	TV	xã Quảng An	H. Quảng Điền			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-84-C-c
thôn Đông Xuyên	DC	xã Quảng An	H. Quảng Điền	16° 32' 45"	107° 32' 50"					E-48-84-C-c
thôn Mỹ Xá	DC	xã Quảng An	H. Quảng Điền	16° 32' 58"	107° 32' 39"					E-48-84-C-c
thôn Phú Lương B	DC	xã Quảng An	H. Quảng Điền	16° 34' 03"	107° 32' 24"					E-48-84-C-c
thôn Phước Thanh	DC	xã Quảng An	H. Quảng Điền	16° 33' 30"	107° 32' 20"					E-48-84-C-c
phá Tam Giang	TV	xã Quảng An	H. Quảng Điền	16° 36' 49"	107° 30' 50"					E-48-84-C-c
thôn 1	DC	xã Quảng Công	H. Quảng Điền	16° 37' 13"	107° 31' 57"					E-48-84-C-c
thôn 2	DC	xã Quảng Công	H. Quảng Điền	16° 36' 58"	107° 32' 58"					E-48-84-C-c
thôn 3	DC	xã Quảng Công	H. Quảng Điền	16° 36' 42"	107° 32' 49"					E-48-84-C-c
thôn 4	DC	xã Quảng Công	H. Quảng Điền	16° 36' 29"	107° 33' 17"					E-48-84-C-c
quốc lộ 49B	KX	xã Quảng Công	H. Quảng Điền			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-84-C-c
thôn Am Thiền	DC	xã Quảng Công	H. Quảng Điền	16° 37' 22"	107° 32' 27"					E-48-84-C-c
thôn An Lộc	DC	xã Quảng Công	H. Quảng Điền	16° 36' 24"	107° 33' 51"					E-48-84-C-c
thôn Cương Gián	DC	xã Quảng Công	H. Quảng Điền	16° 37' 47"	107° 31' 55"					E-48-84-C-a
phá Tam Giang	TV	xã Quảng Công	H. Quảng Điền	16° 36' 49"	107° 30' 50"					E-48-84-C-c
thôn Tân Thành	DC	xã Quảng Công	H. Quảng Điền	16° 36' 57"	107° 33' 01"					E-48-84-C-c
thôn Tiến Công	DC	xã Quảng Công	H. Quảng Điền	16° 36' 28"	107° 35' 05"					E-48-84-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 4	KX	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền			16° 40' 10"	107° 19' 49"	16° 28' 58"	107° 33' 13"	E-48-83-D-b, E-48-83-D-d, E-48-84-C-c
thôn Cổ Tháp	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền	16° 36' 57"	107° 27' 34"					E-48-83-D-d
thôn Cư Lạc	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền	16° 35' 54"	107° 29' 54"					E-48-83-D-d
bến đò Điền Hải	KX	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền	16° 38' 28"	107° 27' 48"					E-48-83-D-b
thôn Đức Nhuận	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền	16° 37' 10"	107° 27' 19"					E-48-83-D-d
thôn Hà Công	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền	16° 37' 36"	107° 27' 36"					E-48-83-D-b
thôn Hà Lạc	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền	16° 37' 24"	107° 26' 38"					E-48-83-D-d
thôn Mỹ Thạnh	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền	16° 35' 52"	107° 29' 21"					E-48-83-D-d
thôn Ngư Mỹ Thạnh	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền	16° 35' 57"	107° 29' 40"					E-48-83-D-d
kênh Sa Sim	TV	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền			16° 37' 54"	107° 26' 22"	16° 37' 56"	107° 27' 19"	E-48-83-D-b
thôn Sơn Công	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền	16° 37' 55"	107° 26' 39"					E-48-83-D-b
phá Tam Giang	TV	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền	16° 36' 49"	107° 30' 50"					E-48-83-D-b, E-48-83-D-d, E-48-84-C-c
thôn Thủy Lập Đông	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền	16° 36' 07"	107° 28' 48"					E-48-83-D-d
thôn Thủy Lập Tây	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Điền	16° 36' 18"	107° 28' 33"					E-48-83-D-d
thôn 1	DC	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền	16° 38' 10"	107° 30' 05"					E-48-84-C-a
thôn 2	DC	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền	16° 38' 0"	107° 30' 32"					E-48-84-C-a
thôn 3	DC	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền	16° 37' 45"	107° 30' 51"					E-48-84-C-a
thôn 13	DC	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền	16° 37' 52"	107° 30' 13"					E-48-84-C-a
quốc lộ 49B	KX	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền			16° 38' 19"	107° 18' 20"	16° 16' 52"	107° 54' 14"	E-48-83-D-b, E-48-84-C-a, E-48-84-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Hải	DC	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền	16° 38' 00"	107° 31' 38"					E-48-84-C-a
chùa Lãnh Thủy	KX	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền	16° 37' 49"	107° 30' 40"					E-48-84-C-a
phá Tam Giang	TV	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền	16° 36' 49"	107° 30' 50"					E-48-83-D-b, E-48-83-D-d, E-48-84-C-a, E-48-84-C-c
thôn Tân Mỹ A	DC	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền	16° 38' 24"	107° 31' 04"					E-48-84-C-a
thôn Tân Mỹ BC	DC	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền	16° 38' 11"	107° 31' 18"					E-48-84-C-a
thôn Tây Hải	DC	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền	16° 38' 51"	107° 30' 24"					E-48-84-C-a
thôn Trung Hải	DC	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền	16° 38' 29"	107° 30' 55"					E-48-84-C-a
bến đò Vĩnh Tu	KX	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền	16° 36' 55"	107° 30' 54"					E-48-84-C-c
thôn Vĩnh Tu	DC	xã Quảng Ngạn	H. Quảng Điền	16° 37' 31"	107° 31' 11"					E-48-84-C-a
đường tỉnh 11A	KX	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền			16° 32' 46"	107° 27' 09"	16° 34' 40"	107° 30' 54"	E-48-83-D-d
thôn Bác Vọng Đông	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền	16° 32' 17"	107° 30' 11"					E-48-84-C-c
thôn Bác Vọng Tây	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền	16° 32' 02"	107° 29' 42"					E-48-83-D-d
thôn Bao La A	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền	16° 32' 13"	107° 29' 09"					E-48-83-D-d
thôn Bao La B	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền	16° 32' 23"	107° 29' 32"					E-48-83-D-d
Sông Bồ	TV	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-84-C-c, E-48-83-D-d
kênh Đức Nhuận	TV	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền			16° 32' 10"	107° 28' 47"	16° 33' 18"	107° 30' 02"	E-48-84-C-c, E-48-83-D-d
thôn Đức Nhuận	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền	16° 32' 51"	107° 29' 16"					E-48-83-D-d
thôn Hà Cảng	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền	16° 32' 09"	107° 28' 22"					E-48-83-D-d
thôn Hạ Lang	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền	16° 31' 47"	107° 28' 39"					E-48-83-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nam Phù	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền	16° 32' 44"	107° 30' 33"					E-48-84-C-c
thôn Nghĩa Lộ	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền	16° 33' 01"	107° 30' 18"					E-48-84-C-c
thôn Nho Lâm	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền	16° 32' 48"	107° 30' 41"					E-48-84-C-c
thôn Phú Lễ	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền	16° 32' 40"	107° 27' 54"					E-48-83-D-d
thôn Vạn Hạ Lang	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền	16° 31' 40"	107° 29' 02"					E-48-83-D-d
thôn Xuân Tùy	DC	xã Quảng Phú	H. Quảng Điền	16° 32' 51"	107° 29' 56"					E-48-83-D-d
đường tỉnh 4	KX	xã Quảng Phước	H. Quảng Điền			16° 40' 10"	107° 19' 49"	16° 28' 58"	107° 33' 13"	E-48-84-C-c
đường tỉnh 11A	KX	xã Quảng Phước	H. Quảng Điền			16° 32' 46"	107° 27' 09"	16° 34' 40"	107° 30' 54"	E-48-84-C-c
cầu Đan Điền	KX	xã Quảng Phước	H. Quảng Điền	16° 34' 40"	107° 30' 52"					E-48-84-C-c
kênh Diên Hồng	TV	xã Quảng Phước	H. Quảng Điền			16° 36' 07"	107° 31' 14"	16° 33' 53"	107° 31' 27"	E-48-84-C-c
thôn Hà Đồ	DC	xã Quảng Phước	H. Quảng Điền	16° 35' 50"	107° 31' 21"					E-48-84-C-c
thôn Khuông Phò Đông	DC	xã Quảng Phước	H. Quảng Điền	16° 34' 36"	107° 31' 07"					E-48-84-C-c
thôn Mai Dương	DC	xã Quảng Phước	H. Quảng Điền	16° 34' 58"	107° 32' 38"					E-48-84-C-c
thôn Phước Lâm	DC	xã Quảng Phước	H. Quảng Điền	16° 35' 09"	107° 32' 15"					E-48-84-C-c
thôn Phước Lập	DC	xã Quảng Phước	H. Quảng Điền	16° 35' 28"	107° 31' 48"					E-48-84-C-c
thôn Phước Lý	DC	xã Quảng Phước	H. Quảng Điền	16° 35' 02"	107° 32' 24"					E-48-84-C-c
phá Tam Giang	TV	xã Quảng Phước	H. Quảng Điền	16° 36' 49"	107° 30' 50"					E-48-84-C-c
thôn Thủ Lễ Đông	DC	xã Quảng Phước	H. Quảng Điền	16° 34' 06"	107° 31' 15"					E-48-84-C-c
đường tỉnh 4	KX	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền			16° 40' 10"	107° 19' 49"	16° 28' 58"	107° 33' 13"	E-48-83-D-b
hói Bến Trâu	TV	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền			16° 38' 02"	107° 25' 41"	16° 37' 54"	107° 26' 22"	E-48-83-D-b
hói Cống Cửa	TV	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền			16° 40' 08"	107° 25' 18"	16° 39' 26"	107° 25' 55"	E-48-83-D-b
Hói Dài	TV	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền			16° 40' 08"	107° 25' 18"	16° 39' 25"	107° 25' 20"	E-48-83-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Cao	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền	16° 37' 37"	107° 26' 11"					E-48-83-D-b
thôn Đông Hồ	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền	16° 37' 42"	107° 25' 54"					E-48-83-D-b
thôn Lai Hà	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền	16° 38' 50"	107° 25' 13"					E-48-83-D-b
thôn Nam Giản	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền	16° 37' 16"	107° 25' 51"					E-48-83-D-d
sông Ô Lâu	TV	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền			16° 27' 16"	107° 10' 32"	16° 39' 22"	107° 25' 47"	E-48-83-D-b
phá Tam Giang	TV	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền	16° 36' 49"	107° 30' 50"					E-48-83-D-b
thôn Tây Hoàng	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền	16° 38' 38"	107° 24' 53"					E-48-83-D-b
thôn Trằm Ngang	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền	16° 37' 39"	107° 25' 10"					E-48-83-D-b
thôn Trung Kiều	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền	16° 38' 04"	107° 25' 17"					E-48-83-D-b
thôn Trùng Làng	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Điền	16° 38' 25"	107° 25' 38"					E-48-83-D-b
đường tỉnh 4	KX	xã Quảng Thành	H. Quảng Điền			16° 40' 10"	107° 19' 49"	16° 28' 58"	107° 33' 13"	E-48-84-C-c
thôn An Thành	DC	xã Quảng Thành	H. Quảng Điền	16° 32' 03"	107° 33' 29"					E-48-84-C-c
Sông Bồ	TV	xã Quảng Thành	H. Quảng Điền			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-84-C-c
sông Kim Đôi	TV	xã Quảng Thành	H. Quảng Điền			16° 34' 24"	107° 34' 30"	16° 31' 51"	107° 34' 11"	E-48-84-C-c
thôn Kim Đôi	DC	xã Quảng Thành	H. Quảng Điền	16° 33' 21"	107° 34' 38"					E-48-84-C-c
thôn Phú Lương A	DC	xã Quảng Thành	H. Quảng Điền	16° 32' 13"	107° 32' 40"					E-48-84-C-c
thôn Phú Ngạn	DC	xã Quảng Thành	H. Quảng Điền	16° 32' 35"	107° 32' 53"					E-48-84-C-c
thôn Quán Hòa	DC	xã Quảng Thành	H. Quảng Điền	16° 34' 22"	107° 34' 29"					E-48-84-C-c
phá Tam Giang	TV	xã Quảng Thành	H. Quảng Điền	16° 36' 49"	107° 30' 50"					E-48-84-C-c
thôn Tây Thành	DC	xã Quảng Thành	H. Quảng Điền	16° 32' 12"	107° 33' 22"					E-48-84-C-c
thôn Thanh Hà	DC	xã Quảng Thành	H. Quảng Điền	16° 31' 46"	107° 33' 14"					E-48-84-C-c
thôn Thành Trung	DC	xã Quảng Thành	H. Quảng Điền	16° 32' 41"	107° 34' 06"					E-48-84-C-c
thôn Thủy Điền	DC	xã Quảng Thành	H. Quảng Điền	16° 32' 38"	107° 34' 12"					E-48-84-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 4	KX	xã Quảng Thọ	H. Quảng Điền			16° 40' 10"	107° 19' 49"	16° 28' 58"	107° 33' 13"	E-48-84-C-c
đường tỉnh 8A	KX	xã Quảng Thọ	H. Quảng Điền			16° 30' 28"	107° 30' 20"	16° 31' 44"	107° 31' 24"	E-48-84-C-c
Sông Bồ	TV	xã Quảng Thọ	H. Quảng Điền			16° 07' 08"	107° 23' 43"	16° 31' 42"	107° 34' 18"	E-48-84-C-c
sông Cào Cùng	TV	xã Quảng Thọ	H. Quảng Điền			16° 32' 13"	107° 31' 49"	16° 31' 58"	107° 30' 47"	E-48-84-C-c
thôn La Vân Hạ	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Điền	16° 32' 08"	107° 32' 27"					E-48-84-C-c
thôn La Vân Thượng	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Điền	16° 31' 39"	107° 31' 38"					E-48-84-C-c
thôn Lương Cổ	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Điền	16° 31' 47"	107° 31' 11"					E-48-84-C-c
thôn Niêm Phò	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Điền	16° 32' 42"	107° 31' 28"					E-48-84-C-c
thôn Phò Nam A	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Điền	16° 32' 25"	107° 30' 51"					E-48-84-C-c
thôn Phò Nam B	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Điền	16° 33' 24"	107° 31' 45"					E-48-84-C-c
thôn Phước Yên	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Điền	16° 31' 30"	107° 30' 45"					E-48-84-C-c
thôn Tân Xuân Lai	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Điền	16° 32' 29"	107° 31' 25"					E-48-84-C-c
cầu Thanh Lương	KX	xã Quảng Thọ	H. Quảng Điền	16° 31' 04"	107° 30' 38"					E-48-84-C-c
đường tỉnh 11A	KX	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền			16° 32' 46"	107° 27' 09"	16° 34' 40"	107° 30' 54"	E-48-83-D-d
thôn Cao Xá	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 33' 07"	107° 29' 59"					E-48-83-D-d
thôn Cổ Tháp	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 33' 15"	107° 28' 14"					E-48-83-D-d
thôn Đồng Bào	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 32' 59"	107° 29' 21"					E-48-83-D-d
kênh Đông Lâm	TV	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền			16° 33' 28"	107° 30' 23"	16° 33' 35"	107° 31' 36"	E-48-84-C-c
thôn Đông Lâm	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 33' 21"	107° 30' 12"					E-48-84-C-c
kênh Đức Nhuận	TV	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền			16° 32' 10"	107° 28' 47"	16° 33' 18"	107° 30' 02"	E-48-83-D-d, E-48-84-C-c
thôn Đức Trọng	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 33' 34"	107° 29' 21"					E-48-83-D-d
thôn Lai Lâm	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 32' 45"	107° 28' 10"					E-48-83-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lai Trung	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 33' 19"	107° 29' 36"					E-48-83-D-d
thôn Nam Dương	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 34' 02"	107° 28' 21"					E-48-83-D-d
thôn Ô Sa	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 33' 42"	107° 28' 54"					E-48-83-D-d
thôn Phe Ba	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 33' 44"	107° 30' 38"					E-48-84-C-c
thôn Phổ Lại	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 33' 57"	107° 29' 33"					E-48-83-D-d
thôn Sơn Tùng	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 33' 37"	107° 29' 37"					E-48-83-D-d
thôn Thanh Cần	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 33' 51"	107° 29' 07"					E-48-83-D-d
thôn Trọng Đức	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Điền	16° 33' 57"	107° 28' 43"					E-48-83-D-d

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc